

BẢN THÔNG TIN TÓM TẮT

TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

(Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30/06/2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 08/07/2016)

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ GIAO DỊCH



Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP

Địa chỉ : 200 Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 38272289

Fax: (84.4) 38722375

Website : www.vietnamairlines.com

TỔ CHỨC TƯ VẤN



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính: Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 39352722

Fax: (84.4) 22200669

Website : www.bsc.com.vn

Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38218886

Fax: (84.8) 38218510

Phụ trách công bố thông tin:

Ông : Nguyễn Hữu Tuất, Thư ký Tổng công ty

Điện thoại : (84.4) 38272289

Fax: (84.4) 38722375

Email : nhadautu@vietnamairlines.com

MỤC LỤC

PHẦN 1.	5
TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG	5
1. Giới thiệu chung	5
2. Ngành nghề kinh doanh	5
3. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch	7
4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	7
5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Vietnam Airlines	10
6. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty	10
7. Danh sách cổ đông lớn và cơ cấu cổ đông	11
8. Danh sách công ty mẹ, công ty con của Vietnam Airlines, những công ty mà Vietnam Airlines đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Vietnam Airlines.	12
9. Công ty liên kết của Vietnam Airlines: Phụ lục II	12
10. Hoạt động kinh doanh	12
11. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất	12
12. Vị thế của Vietnam Airlines so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	17
13. Chính sách đối với người lao động	23
14. Chính sách cổ tức	25
15. Tình hình tài chính	25
16. Tài sản	28
17. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	29
18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng	30
19. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh	30
20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Vietnam Airlines	31
PHẦN 2. QUẢN TRỊ CÔNG TY	33
1. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng	33
2. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty	48

MỤC LỤC BẢNG

Bảng 1: Chặng đường phát triển của Vietnam Airlines.....	8
Bảng 2: Các danh hiệu và phần thưởng cao quý được trao tặng	9
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/11/2016	12
Bảng 4: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh hợp nhất.....	12
Bảng 5: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh công ty mẹ	15
Bảng 6: Một số chỉ tiêu ngành hàng không thể giới	21
Bảng 7: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/10/2016	23
Bảng 8: Tình hình nợ vay	26
Bảng 9: Tình hình công nợ phải thu	26
Bảng 10: Tình hình công nợ phải trả	27
Bảng 11: Các khoản đầu tư tài chính.....	27
Bảng 12: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu	28
Bảng 13: Chi tiết tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015	28
Bảng 14: Cơ cấu đất đai Tổng Công ty đang quản lý	29
Bảng 15: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016	29
Bảng 16: Chi phí nhiên liệu trên doanh thu thuần 2013- 9 tháng 2016.....	30
Bảng 17: Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị	33
Bảng 18: Danh sách thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng	38
Bảng 19: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát.....	45

MỤC LỤC HÌNH VẼ

Hình 1: Cơ cấu tổ chức, quản lý	10
---------------------------------------	----

CÁC TỪ VIẾT TẮT

“VNA”, “Vietnam Airlines”, “TCT HKVN”, “Tổng Công ty”	: Tổng Công ty Hàng Không Việt Nam – CTCP
“ĐHĐCĐ”	: Đại hội đồng cổ đông
“HĐTV”	: Hội đồng thành viên
“HĐQT”	: Hội đồng thành viên
“BGĐ”	: Ban Giám đốc
“BKS”	: Ban Kiểm soát
“BCTC”	: Báo cáo tài chính
“CTCP”	: Công ty Cổ phần
“CBCNV”	: Cán bộ công nhân viên
“SXKD”	: Sản xuất kinh doanh
“TCKT”	: Tài chính Kế toán
“VTHK”	: Vận tải hàng không
“XNK”	: Xuất nhập khẩu

PHẦN 1.

TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

1. Giới thiệu chung

- **Tên tiếng Việt:** Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP
- **Tên tiếng Anh:** Vietnam Airlines JSC
- **Tên viết tắt:** Vietnam Airlines
- **Logo:**



Vietnam Airlines

- **Vốn điều lệ đăng ký:** 12.275.337.780.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai nghìn, hai trăm bảy mươi lăm tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)
- **Vốn điều lệ thực góp:** 12.275.337.780.000 đồng (Bằng chữ: Mười hai nghìn, hai trăm bảy mươi lăm tỷ, ba trăm ba mươi bảy triệu, bảy trăm tám mươi nghìn đồng chẵn)
- **Trụ sở chính:** 200 Nguyễn Sơn, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội
- **Điện thoại:** (84.4) 38272289
- **Fax:** (84.4) 38722375
- **Website:** www.vietnamairlines.com
- **Mã số thuế:** 0100107518
- **Đăng ký kinh doanh:** 0100107518 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 30 tháng 06 năm 2010, thay đổi lần thứ 5 ngày 08 tháng 07 năm 2016.
- **Đăng ký công ty đại chúng:** Công văn số 4275/UBCK-QLPH ngày 8/7/2015 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận hồ sơ đăng ký công ty đại chúng của Vietnam Airlines.
- **Đăng ký chứng khoán:** Giấy chứng nhận số 62/2015/GCNCP-VSD do Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp lần đầu ngày 30/7/2015, thay đổi lần 1 ngày 22/7/2016.

2. Ngành nghề kinh doanh

- ✿ Vận tải hành khách hàng không: Vận chuyển hàng không đối với hành khách.
- ✿ Vận tải hàng hóa hàng không: Vận chuyển hành lý, hàng hóa, bưu kiện, bưu phẩm, thư.
- ✿ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho VTHK: Hoạt động hàng không chung (bay chụp ảnh địa hình, khảo sát địa chất, bay hiệu chuẩn các đài dẫn đường hàng không, sửa chữa bảo dưỡng đường điện cao thế, phục vụ dầu khí, trồng rừng, kiểm tra môi trường, tìm kiếm cứu nạn, cấp cứu y tế, bay phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng);

☀ Dịch vụ chuyên ngành hàng không khác: Cung ứng dịch vụ thương mại, du lịch, khách sạn, bán hàng miễn thuế tại nhà ga hàng không và các tỉnh, thành phố; các dịch vụ hàng không khác; Cung ứng các dịch vụ phục vụ kỹ thuật thương mại mặt đất; các dịch vụ tại nhà ga hành khách, ga hàng hóa và các dịch vụ phục vụ sân đỗ tại các cảng hàng không, sân bay; Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác); Bảo dưỡng tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không và các thiết bị kỹ thuật khác.

☀ Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển: Sản xuất linh kiện, phụ tùng, vật tư tàu bay, trang thiết bị kỹ thuật và các nội dung khác thuộc lĩnh vực công nghiệp hàng không; Cung ứng các dịch vụ kỹ thuật và vật tư phụ tùng cho các hãng hàng không trong nước và nước ngoài.

☀ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải: Dịch vụ giao nhận hàng hóa; đầu tư và khai thác hạ tầng kỹ thuật tại các sân bay: Nhà ga hành khách, hàng hóa, cơ sở hạ tầng kỹ thuật và các dịch vụ đồng bộ trong dây chuyền vận tải hàng không; Vận tải đa phương thức.

☀ Sản xuất máy bay, tàu vũ trụ và máy móc liên quan: XNK tàu bay, động cơ, phụ tùng, thiết bị hàng không (thuê, cho thuê, thuê mua và mua, bán) và những mặt hàng khác theo quy định của Nhà nước; Sản xuất, xuất, nhập khẩu các trang thiết bị phục vụ dây chuyền VTHK.

☀ Hoạt động tư vấn quản lý: Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp sản xuất kinh doanh; Đầu tư ra nước ngoài; mua, bán doanh nghiệp; góp vốn mua cổ phần hoặc chuyển nhượng vốn góp, bán cổ phần.

☀ Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động: Sản xuất, chế biến, xuất, nhập khẩu thực phẩm để phục vụ trên tàu bay.

☀ Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan: Cung ứng xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác tại các cảng hàng không sân bay; Xuất, nhập khẩu xăng dầu, mỡ hàng không (bao gồm nhiên liệu, dầu mỡ bôi trơn và chất lỏng chuyên dùng) và xăng dầu khác.

☀ Đại lý, môi giới, đấu giá: Đại lý bán lẻ xăng dầu; Dịch vụ đại lý cho các hãng hàng không, các nhà sản xuất tàu bay, động cơ, thiết bị, phụ tùng tàu bay, các công ty vận tải, du lịch trong nước và nước ngoài.

☀ In ấn (trừ các loại hình Nhà nước cấm).

☀ Xây dựng nhà các loại: Xây dựng.

☀ Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn xây dựng (không bao gồm thiết kế công trình).

☀ Cung ứng và quản lý nguồn lao động: Cung ứng lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng, cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài); Xuất, nhập khẩu lao động

- ☀ Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác: Khoa học, công nghệ.
- ☀ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Kinh doanh bất động sản.
- ☀ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác: Kinh doanh dịch vụ thương mại điện tử.
- ☀ Đào tạo đại học và sau đại học: Đào tạo.
- ☀ Hoạt động trung gian tiền tệ khác: Tài chính, ngân hàng
- ☀ Hoạt động cho thuê tài chính: Cho thuê tài chính.

(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định pháp luật).

3. Giới thiệu về chứng khoán đăng ký giao dịch

- **Loại chứng khoán:** Cổ phiếu phổ thông
- **Mệnh giá:** 10.000 đồng/cổ phiếu
- **Mã chứng khoán:** HVN
- **Tổng số chứng khoán ĐKGD:** 1.227.533.778 cổ phiếu
- **Số lượng chứng khoán bị hạn chế chuyển nhượng (HCCN) theo quy định của pháp luật hoặc của TCĐKGD:**

Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Nghị định 59/2011/NĐ-CP về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần: 3.213.612 cổ phiếu (cổ đông là người lao động của VNA mua cổ phần ưu đãi sẽ bị hạn chế chuyển nhượng tối thiểu 3 năm và tối đa 10 năm kể từ ngày VNA được cấp GCNĐKD CTCP. Số năm hạn chế chuyển nhượng của từng cổ đông sẽ phụ thuộc vào số năm cam kết làm việc lâu dài tại CTCP).

Hạn chế chuyển nhượng theo quy định tại Hợp đồng bán cổ phần cho cổ đông chiến lược: 107.668.938 cổ phiếu (cổ đông chiến lược sẽ bị hạn chế chuyển nhượng trong 5 năm kể từ ngày hoàn tất việc bán cổ phần cho cổ đông chiến lược).

- **Giới hạn tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:** theo quy định tại Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Thông tư số 123/2015/TT-BTC hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam .

Tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 30/11/2016, Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP có 30 nhà đầu tư nước ngoài sở hữu 107.789.611 cổ phiếu (chiếm 8,78% cổ phiếu đăng ký giao dịch)

4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Lịch sử của Vietnam Airlines bắt đầu từ tháng 01/1956, khi Cục Hàng không dân dụng được Chính phủ thành lập, đánh dấu sự ra đời của ngành Hàng không dân dụng ở Việt Nam.

Vào thời điểm đó, đội bay còn rất nhỏ, với 05 chiếc máy bay cánh quạt IL 14, AN 2, Aero 45... Chuyến bay nội địa đầu tiên được khai trương vào tháng 9/1956.

Tháng 4/1993, Vietnam Airlines chính thức được thành lập với tư cách là một đơn vị kinh doanh vận tải hàng không có quy mô lớn của Nhà nước (khi đó có tên gọi là Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam). Ngày 27/5/1995, Tổng công ty Hàng không Việt Nam được thành lập theo Quyết định số 328/TTg của Thủ tướng Chính phủ trên cơ sở liên kết 20 doanh nghiệp trong ngành hàng không Việt Nam, lấy Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam làm nòng cốt. Trải qua hơn 20 năm lịch sử phát triển, Tổng công ty Hàng không Việt Nam đã góp phần quan trọng đối với sự phát triển của ngành Hàng không dân dụng Việt Nam cũng như đóng góp to lớn trong phát triển kinh tế, xã hội và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Bảng 1: Chặng đường phát triển của Vietnam Airlines

Năm	Sự kiện
1956	Cục Hàng không dân dụng được Chính phủ thành lập đánh dấu sự ra đời của ngành Hàng không dân dụng Việt Nam
1993	Thành lập Hãng Hàng không Quốc gia Việt Nam
1995	Thành lập Tổng công ty Hàng không Việt Nam gồm Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam và 20 doanh nghiệp trong ngành
2002	Giới thiệu biểu tượng mới - Bông Sen Vàng gắn với các cải tiến vượt trội về chất lượng dịch vụ, mở rộng mạng đường bay và đặc biệt là nâng cấp đội máy bay của Vietnam Airlines
2003	Tổ chức lại hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - con theo Quyết định số 372/QĐ-TTg ngày 04/04/2003 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp nhận đưa vào khai thác chiếc máy bay hiện đại với nhiều tính năng ưu việt Boeing 777 đầu tiên, sự kiện khởi đầu chương trình hiện đại hóa đội bay
2006	Trở thành thành viên chính thức của IATA
2009	Hợp tác và hỗ trợ Chính phủ Cambodia thành lập Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air, vốn điều lệ 100 triệu đô la Mỹ, trong đó Vietnam Airlines góp 49%
2010	Chuyển thành công ty TNHH một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu; Chính thức trở thành thành viên thứ 10 của Liên minh hàng không toàn cầu SkyTeam
2012	Tiếp nhận quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại CTCP Hàng không Jetstar Pacific Airlines, trở thành cổ đông lớn nhất với tỉ lệ nắm giữ 68,46% vốn điều lệ
03/2013	Bộ GTVT phê duyệt thời điểm xác định GTDN để cổ phần hóa Công ty mẹ - TCT HKVN là ngày 31/3/2013
05/2014	Bộ GTVT phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty mẹ - TCT HKVN
09/2014	Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty mẹ - VNA
11/2014	Chào bán thành công cổ phần lần đầu ra công chúng tại SGDCK TP.HCM
03/2015	Tổ chức Đại hội đồng Cổ đông lần thứ nhất thông qua Điều lệ Công ty Cổ phần
4/2015	Được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp CTCP và chính thức hoạt động theo mô hình CTCP từ ngày 01/04/2015

Năm	Sự kiện
7/2015	Hãng hàng không châu Á đầu tiên khai thác đồng thời 2 loại máy bay mới B787 Dreamliner và Airbus A350, đồng thời ra mắt hệ thống nhận diện thương hiệu mới
	Hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký chứng khoán theo quy định
7/2016	Chính thức được công nhận là Hãng hàng không quốc tế 4 sao theo tiêu chuẩn của Skytrax; hoàn thành chào bán cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược ANA Holdings Inc.
10/2016	Hoàn tất thủ tục bàn giao vốn, tài sản, công nợ từ Tổng công ty Hàng không Việt Nam – Công ty TNHH 100% vốn Nhà nước sang Công ty cổ phần.

Bảng 2: Các danh hiệu và phần thưởng cao quý được trao tặng

Năm	Phần thưởng được nhận
1996	Huân chương Lao động hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng
1997	Huân chương Lao động hạng Nhất do Chủ tịch nước trao tặng
2000	Bằng khen Quỹ hỗ trợ sáng tạo kỹ thuật Việt Nam
2001	Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ
2003	Huân chương Độc lập hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng
2005	Giải thưởng Sao Khuê
2010	Huân chương Hồ Chí Minh do Chủ tịch nước trao tặng
2010	Huân chương bảo vệ Tổ quốc hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng
2011	Huân chương Lao động hạng Nhì do Chủ tịch nước trao tặng
2011	Cờ thi đua của Chính phủ (Giải Ba) khối thi đua các Tập đoàn và TCT Nhà nước
2012	Cờ thi đua của Chính phủ (Giải Nhất) khối thi đua các Tập đoàn, TCT Nhà nước
2014	Huân chương Chiến công hạng Nhất
2015	Huân chương Độc lập hạng Nhất

Các danh hiệu/ giải thưởng khác

2014	“Hãng hàng không có dịch vụ tốt nhất tại sân bay Incheon - Hàn Quốc” do Cảng hàng không quốc tế Incheon (Hàn Quốc) trao tặng
2015	Top 60 Hãng hàng không an toàn nhất thế giới do Trung tâm đánh giá dữ liệu tai nạn hàng không JACDEC bình chọn;
	“Hãng hàng không xuất sắc nhất của năm - khu vực Đông Dương” tại Hội chợ Du lịch Quốc tế TP.HCM – ITE 2015
2016	Top 10 Hãng hàng không tiến bộ nhất thế giới do tổ chức SKYTRAX đánh giá;
	“Hãng hàng không dẫn đầu châu Á về khoang dịch vụ Phổ thông” và “Hãng hàng không dẫn đầu châu Á về bản sắc văn hóa” do World Travel Awards trao tặng
	“Hãng hàng không xuất sắc nhất của năm - khu vực Đông Dương” tại Hội chợ Du lịch Quốc tế TP.HCM – ITE 2016
	Top 3 Hãng hàng không tiến bộ nhất thế giới do tổ chức SKYTRAX đánh giá Chứng chỉ “Hãng hàng không quốc tế 4 sao” theo tiêu chuẩn của SKYTRAX

5. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Vietnam Airlines

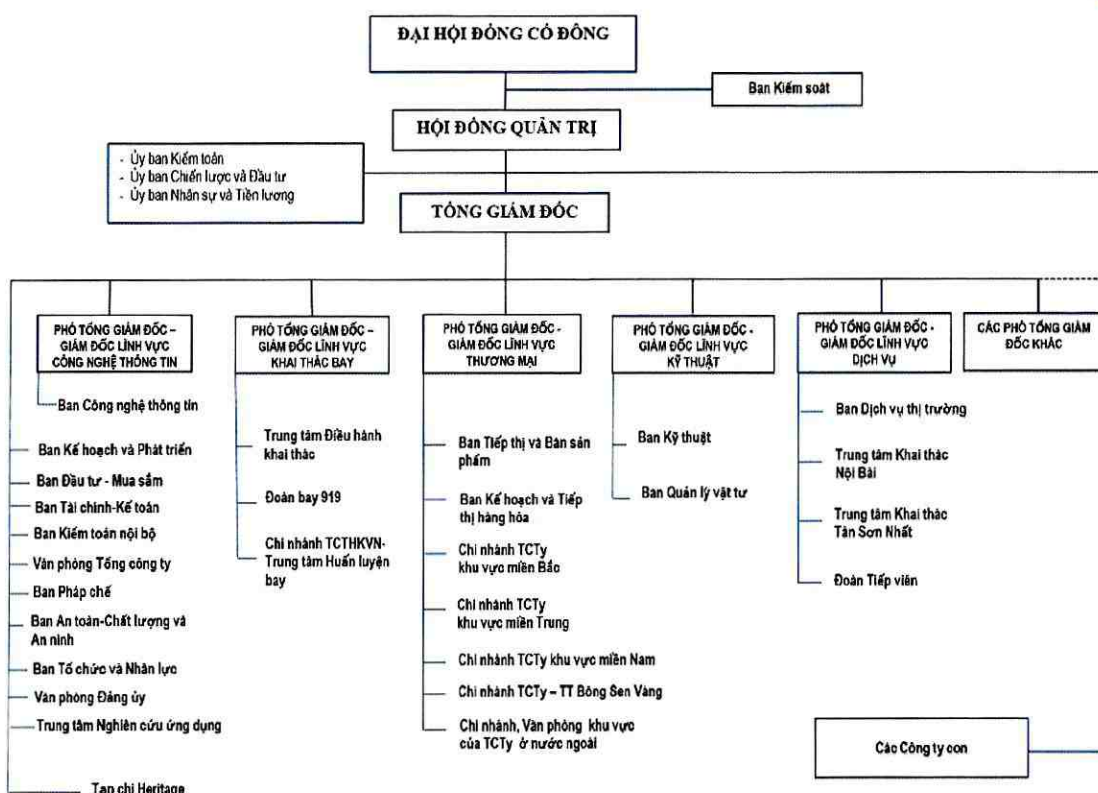
Từ thời điểm hoạt động theo hình thức công ty cổ phần (01/4/2015) đến nay, Vietnam Airlines đã tăng vốn điều lệ 01 lần thông qua việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho nhà đầu tư nước ngoài. Vốn điều lệ tăng từ 11.198.648.400.000 đồng lên 12.275.337.780.000 đồng. Thông tin chi tiết như sau:

- Số lượng cổ phần trước khi tăng vốn: 1.119.864.840 cổ phiếu.
- Hình thức tăng vốn: Phát hành thêm cổ phần cho nhà đầu tư chiến lược nước ngoài để tăng vốn điều lệ theo hình thức chào bán cổ phiếu riêng lẻ.
- Ngày bắt đầu chào bán: 28 tháng 5 năm 2016.
- Ngày hoàn thành đợt chào bán: 01 tháng 7 năm 2016.
- Ngày phát hành báo cáo kiểm toán vốn: 16 tháng 12 năm 2016
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 107.668.938 cổ phiếu.
- Số lượng cổ phiếu sau phát hành: 1.227.533.778 cổ phiếu.
- Căn cứ thực hiện: Nghị quyết ĐHĐCĐ lần thứ nhất của Tổng công ty Hàng không Việt Nam – CTCP số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12/3/2015, Công văn số 1272/TCTHK-BTKCPH ngày 05/7/2016 và số 1114/TCTHK-BTKCPH ngày 08/6/2016 báo cáo Ủy ban chứng khoán về việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ, công văn số 4399/UBCK-QLCB ngày 07/7/2016 của UBCKNN xác nhận kết quả chào bán cổ phần riêng lẻ của TCTHK

6. Cơ cấu tổ chức quản lý của công ty

6.1 Cơ cấu tổ chức

Hình 1: Cơ cấu tổ chức, quản lý



6.2. Cơ cấu bộ máy quản lý

Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cao nhất của Vietnam Airlines, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt các cổ đông để kiểm soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành Vietnam Airlines, thực trạng tài chính của Vietnam Airlines và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện nhiệm vụ được giao.

Hội đồng Quản trị (HĐQT)

Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý Vietnam Airlines, có toàn quyền nhân danh Vietnam Airlines để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Vietnam Airlines không thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

Các Ủy Ban thuộc HĐQT

Các Ủy ban giúp việc của HĐQT do HĐQT thành lập, bao gồm: Ủy ban chiến lược và đầu tư, Ủy ban nhân sự và tiền lương, Ủy ban kiểm toán. Các Ủy ban làm việc theo mô hình kiêm nhiệm.

Tổng giám đốc

Tổng giám đốc là Người đại diện theo pháp luật của Vietnam Airlines và là người điều hành hoạt động hàng ngày của Vietnam Airlines.

Bộ máy giúp việc

Bộ máy giúp việc chung cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc: là các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, văn phòng, các ban chuyên môn, nghiệp vụ và các cơ quan tương đương của Tổng công ty có chức năng tham mưu, giúp việc cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong quản lý, điều hành công việc.

Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động của Vietnam Airlines bao gồm: Trụ sở chính đặt tại Hà Nội với 17 Ban/ Văn phòng; 31 chi nhánh, văn phòng đại diện nước ngoài; 11 đơn vị trực thuộc trong nước. Ngoài ra, Vietnam Airlines góp vốn đầu tư vào các Công ty con và Công ty liên kết.

7. Danh sách cổ đông lớn và cơ cấu cổ đông

7.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại thời điểm 30/11/2016

Nhà nước là cổ đông lớn của Vietnam Airlines, nắm giữ 1.057.638.000 cổ phần, tương đương 86,16% vốn điều lệ. Cơ quan chủ sở hữu phần vốn Nhà nước đầu tư tại Vietnam Airlines là Bộ Giao thông vận tải, có địa chỉ tại 80 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tập đoàn Hàng không Nhật Bản ANA HOLDINGS INC. là cổ đông chiến lược của Vietnam Airlines, nắm giữ 107.668.938 cổ phần, tương đương với 8,77% vốn điều lệ.

7.2 Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/11/2016

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/11/2016

Đối tượng	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%)
Nhà nước	1	1.057.638.000	86,16
Trong nước	7.509	62.106.167	5,06
Cá nhân	7.506	13.418.677	1,09
Tổ chức	3	48.687.490	3,97
Nước ngoài	30	107.789.611	8,78
Cá nhân	29	120.673	0,01
Tổ chức	1	107.668.938	8,77
Tổng cộng	7.540	1.227.533.778	100,00

(Nguồn: Danh sách cổ đông tại ngày 30/11/2016 do VSD cung cấp)

7.3. Danh sách cổ đông sáng lập

Không có.

8. Danh sách công ty mẹ, công ty con của Vietnam Airlines, những công ty mà Vietnam Airlines đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với Vietnam Airlines.

8.1. Công ty con của Vietnam Airlines: Phụ lục I

9. 8.2 Công ty liên kết của Vietnam Airlines: Phụ lục II.

10. Hoạt động kinh doanh

Vietnam Airlines hoạt động kinh doanh theo đúng ngành nghề trong Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, trong đó vận tải hàng không là hoạt động kinh doanh chính.

11. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần nhất

10.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh

Bảng 4: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh hợp nhất

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2014	2015*		9T đầu năm 2016
		01/1-31/3 (Cty nhà nước)	01/4-31/12 (CTCP)	
Tổng tài sản (tại ngày kết thúc năm/ kỳ báo cáo)	72.208	71.030	89.182	95.372
Vốn chủ sở hữu (tại ngày kết thúc năm/ kỳ báo cáo)	10.441	12.012	12.142	16.851
Doanh thu thuần	69.030	16.796	49.146	53.289
Tổng Doanh thu (**)	70.611	17.629	51.497	54.187
Tổng Chi phí (***)	70.102	17.283	51.078	51.698
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	234	253	(446)	2.610
Lợi nhuận khác	582	70	1.172	274
Phần lãi/ (lỗ) từ Cty liên kết	(92)	(20)	61	58
Lợi nhuận trước thuế	724	323	726	2.885
Lợi nhuận sau thuế	417	325	480	2.547
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	164	200	306	2.398
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	252	126	174	149
Giá trị sổ sách (đồng/ cp)			10.421	13.115

(*) Số liệu năm 2015 được trình bày theo BCTC hợp nhất đã kiểm toán từ 01/4-31/12/2015

(**) Bao gồm doanh thu thuần về BH&CCDV, doanh thu hoạt động tài chính, hoạt động khác

(***) Bao gồm chi phí giá vốn, chi phí lãi vay, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác, chi phí thuế hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán từ 01/4-31/12/2015 và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2016)

Ý kiến kiểm toán đối với BCTC hợp nhất cho kỳ hoạt động từ 01/4/2015-31/12/2015.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, số liệu so sánh của kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến ngày 31/12/2015 là số liệu trình bày trên bản cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/03/2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015 đã được xử lý tài chính tại thời điểm Tổng Công ty (Công ty mẹ) chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ 01/04/2016 đến ngày 31/12/2015, cơ quan thẩm quyền chưa thực hiện quyết toán để xác định và phê duyệt số liệu bàn giao sang công ty cổ phần. Do đó, kiểm toán không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không

Tổng Công ty đang ghi nhận toàn bộ doanh thu nhận trước tương ứng với nghĩa vụ phải cung cấp cho khách hàng thường xuyên (FFP) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Kiểm toán không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán để xác định giá trị doanh thu nhận trước tương ứng với nghĩa vụ phải trả này của kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2015 đến ngày 31/12/2015. Do đó, kiểm toán không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Các vấn đề cần nhấn mạnh: Kiểm toán lưu ý người đọc đến một số vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 04 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty quyết định thay đổi giá trị tối thiểu phân bổ chi phí bảo dưỡng, sửa chữa đối với thân máy bay, động cơ chính, động cơ phụ và càng máy bay. Các ước tính kế toán này được thay đổi từ ngày 01/04/2016.

Như trình bày tại Thuyết minh số 04 và Thuyết minh số 25 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty đang phản ánh số dư các quỹ đầu tư phát triển, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nguồn kinh phí và quỹ khác và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh từ các nghiệp vụ xử lý tài chính, sau khi đã bổ sung đầy đủ phần vốn điều lệ tại các khoản mục “Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/03/2015. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/04/2016 tới 31/12/2015, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng về phương án xử lý các khoản mục trên và do đó chưa phân loại sang khoản mục phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Như trình bày tại Thuyết minh số 23 và Thuyết minh số 34 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Liên quan đến vụ tranh chấp bồi thường bảo hiểm vụ tổn thất tại Kho Xăng dầu Hàng không Liên Chiểu của Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không Việt Nam (Skypec) – Công ty con của Tổng Công ty, Tổng Công ty đang phản ánh giá trị hàng tồn kho của Skypec bị thất thoát do sự cố sạt lở Kho Xăng dầu Hàng không Liên Chiểu trên khoản mục “Các khoản phải thu khác” với số tiền khoảng 8,6 tỷ đồng và khoản dự phòng phải trả Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội trên khoản mục “Dự phòng phải trả ngắn hạn” với số tiền khoảng 40,3 tỷ đồng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2015.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03 và Thuyết minh số 39 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Số liệu trình bày ở cột so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/năm 2015. Do đó, các số liệu này được lập cho mục đích cung cấp bổ sung thông tin và không so sánh được với số liệu kỳ hiện tại do không đồng nhất về kỳ kế toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 02 phần Thuyết minh BCTC hợp nhất, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập theo Quy định chế độ BCTC hợp nhất ban hành tại Quyết định số 1913/QĐ-TCTHK-TCKT ngày 18/12/2015. Quyết định này được xây dựng dựa trên Quyết định số 2581/TCTHK-TCKT ngày 30/12/2011 của Tổng Công ty đã được Bộ TC chấp thuận tại Công văn số 17011/BTC-CDKT ngày 14/12/2011. Chế độ báo cáo tài chính hợp nhất áp dụng cho Tổng Công ty có một số khác biệt so với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”) số 07 “Kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết” và VAS25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con” ban hành theo

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30/12/2003 và hướng dẫn thực hiện tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31/12/2007 và Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Bảng 5: Một số chỉ tiêu hoạt động kinh doanh công ty mẹ

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2014	2015*		9T đầu năm 2016
		01/1-31/3 (Cty nhà nước)	01/4-31/12 (CTCP)	
Tổng tài sản (tại ngày kết thúc năm/ kỳ báo cáo)	64.358	65.441	83.538	86.463
Vốn chủ sở hữu (tại ngày kết thúc năm/ kỳ báo cáo)	10.026	12.506	12.545	16.372
Doanh thu thuần	53.513	13.778	39.655	43.047
Tổng Doanh thu (**)	55.292	14.705	41.948	44.008
Tổng Chi phí (***)	55.120	14.473	41.902	42.234
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(285)	250	(956)	1.548
Lợi nhuận khác	457	(18)	1.006	231
Lợi nhuận trước thuế	172	232	50	1.779
Lợi nhuận sau thuế	172	232	46	1.774
Giá trị sổ sách (đồng/ cp)			11.202	13.338

(*) Số liệu năm 2015 được trình bày theo BCTC riêng lẻ đã kiểm toán từ 01/4-31/12/2015

(**) Bao gồm doanh thu thuần về BH&CCDV, doanh thu hoạt động tài chính và hoạt động khác

(***) Bao gồm chi phí giá vốn, chi phí lãi vay, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí khác, chi phí thuế hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán từ 01/4-31/12/2015 và BCTC hợp nhất 9 tháng đầu năm 2016)

Ý kiến kiểm toán đối với BCTC riêng cho kỳ hoạt động từ 01/4/2015-31/12/2015

Cơ sở của ý kiến kiểm toán loại trừ:

Như trình bày tại Thuyết minh số 03 phần Thuyết minh BCTC riêng, số liệu so sánh của kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/12/2015 là số liệu trình bày trên bản cân đối kế toán tại ngày 31/03/2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015 đã được xử lý tài chính tại thời điểm Tổng Công ty chính thức chuyển thành công ty cổ phần. Tại ngày lập BCTC riêng cho kỳ hoạt động từ 01/04/2016 đến ngày 31/12/2015, cơ quan thẩm quyền chưa thực hiện quyết toán để xác định và phê duyệt số liệu bàn giao sang công ty cổ phần. Do đó, kiểm toán không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Như trình bày tại Thuyết minh số 26 phần Thuyết minh BCTC riêng, Tổng Công ty đang ghi nhận toàn bộ doanh thu nhận trước tương ứng với nghĩa vụ phải cung cấp cho khách hàng thường xuyên (FFP) vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Kiểm toán không thể thực hiện được các thủ tục kiểm toán để xác định giá trị doanh thu nhận trước tương ứng với nghĩa vụ phải trả này của kỳ hoạt động từ ngày 01/04/2016 đến ngày 31/12/2015. Do đó, kiểm toán không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Vấn đề cần nhấn mạnh.

Như trình bày tại Thuyết minh số 04 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty quyết định thay đổi giá trị tối thiểu phân bổ chi phí bảo dưỡng, sửa chữa đối với thân máy bay, động cơ chính, động cơ phụ và còng máy bay. Các ước tính kế toán này được thay đổi từ ngày 01/04/2016.

Như trình bày tại Thuyết minh số 04 và Thuyết minh số 23 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, Tổng Công ty đang phản ánh số dư các quỹ đầu tư phát triển, nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản, nguồn kinh phí và quỹ khác và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phát sinh từ các nghiệp vụ xử lý tài chính, sau khi đã bổ sung đầy đủ phần vốn điều lệ tại các khoản mục “Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp” và “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên bảng cân đối kế toán tại ngày 31/03/2015. Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cho giai đoạn từ ngày 01/04/2016 tới 31/12/2015, Tổng Công ty đang làm việc với các cơ quan chức năng về phương án xử lý các khoản mục trên và do đó chưa phân loại sang khoản mục phải trả trên bảng cân đối kế toán.

Như trình bày tại Thuyết minh số 03 và thuyết minh số 40 phần Thuyết minh báo cáo tài chính riêng, số liệu trình bày ở cột so sánh của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu từ ngày 01/01/2015 đến ngày 31/03/2015. Do đó, các số liệu này được lập cho mục đích cung cấp bổ sung thông tin và không so sánh được với số liệu kỳ hiện tại do không đồng nhất về kỳ kế toán.

10.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty trong những năm gần đây.

Thuận lợi.

 Tình hình kinh tế vĩ mô của Việt Nam phát triển ổn định, bền vững, tốc độ tăng trưởng GDP duy trì trung bình ở mức 6% bên cạnh việc tỷ lệ lạm phát có xu hướng giảm trong các năm gần đây.

 Việt Nam tiếp tục là điểm đến an toàn và hấp dẫn. Trong giai đoạn 2011-2015, khách du lịch quốc tế đến Việt Nam đạt 36,2 triệu lượt khách, trong đó khách quốc tế đi bằng đường hàng không đạt hơn 29,1 triệu lượt khách, chiếm tỷ trọng là 80,4% với tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 11%. Trong 10 tháng đầu năm 2016, lượng khách nước ngoài đạt trên 8 triệu khách, tăng 25,4% so cùng kỳ. Hình ảnh du lịch Việt Nam được nâng cao trên thế giới với nhiều địa điểm du lịch như Vịnh Hạ Long, Hang Sơn Đoòng, các thành phố như Đà Nẵng, Hà Nội được đánh giá cao trên các phương tiện thông tin du lịch. Nhu cầu phương tiện di chuyển theo đó cũng có sự tăng trưởng.

🌸 Giá dầu thô tiếp tục giảm: Trong các năm từ 2010-2014, giá dầu ở mức 88-127\$/thùng. Từ năm 2015 đến nay, giá nhiên liệu giảm mạnh (khoảng 50-60\$/thùng), kéo theo đó là giá dầu Jet A1 dùng cho máy bay cũng giảm với tỷ lệ tương tự. Giá dầu giảm giúp chi phí nguyên vật liệu (hiện đang chiếm 23% tổng chi phí của Vietnam Airlines) giảm đáng kể, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty.

Khó khăn.

🌸 Trong những năm gần đây, môi trường kinh doanh quốc tế có nhiều diễn biến bất lợi đối với kinh doanh vận tải hàng không: thảm họa sóng thần và khủng hoảng hạt nhân ở Nhật Bản; dịch bệnh H5N và Ebola; khủng hoảng nợ công tại Châu Âu; bất ổn chính trị leo thang tại Ukraine, Thái Lan; tình hình xung đột tại Biển Đông và mới đây nhất là sự kiện Brexit.

🌸 Tình hình cạnh tranh trên thị trường quốc tế ngày càng khốc liệt. Các hãng hàng không nước ngoài đang mở rộng khai thác khu vực châu Á trong đó có Việt Nam. Giá nhiên liệu giảm cũng tạo điều kiện cho những hãng hàng không giá rẻ tăng số lượng chuyến bay, gia tăng cạnh tranh trong phân khúc thị trường trong nước.

🌸 Cơ sở hạ tầng hàng không trong nước tuy đã từng bước được mở rộng và hiện đại hóa nhưng vẫn xảy ra tình trạng quá tải, đặc biệt là tại sân bay Tân Sơn Nhất. Điều này đã hạn chế năng lực khai thác của các hãng hàng không.

12. Vị thế của Vietnam Airlines so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

11.1. Vị thế của Vietnam Airlines trong ngành

🌸 **Vietnam Airlines là Hãng hàng không quốc gia Việt Nam, có thương hiệu mạnh trong nội địa và khu vực CLMV (gồm: Cam-pu-chia, Lào, My-an-ma và Việt Nam), có vị thế chi phối thị trường hàng không Việt Nam**

Thương hiệu Vietnam Airlines – Hãng hàng không quốc gia Việt Nam đã được hình thành và phát triển gắn liền cùng với quá trình trưởng thành của ngành Hàng không dân dụng Việt Nam. Đến nay, từ một hãng hàng không nhỏ, Vietnam Airlines đã trở thành một thương hiệu uy tín, được khách hàng trong nước và quốc tế biết đến. Vietnam Airlines đã có vị trí xứng đáng trên bản đồ hàng không khu vực và thế giới với hình ảnh một hãng hàng không trẻ, hiện đại, năng động và đang phát triển mạnh mẽ.

Từ khi thành lập đến nay, Vietnam Airlines luôn giữ vị trí số một tại thị trường Việt Nam – nơi được đánh giá là một trong các thị trường hàng không phát triển nhanh nhất trong khu vực và trên thế giới. Vị thế chi phối thị trường hàng không nội địa của Vietnam Airlines đã được xác lập và giữ vững qua nhiều năm. Năm 2015, mặc dù có sự cạnh tranh quyết liệt của các hãng hàng không nội địa khác, thị phần của Vietnam Airlines (chưa bao gồm Jetstar Pacific Airlines - JPA) vẫn ở vị trí dẫn đầu với tỷ lệ nắm giữ 44,1% thị phần vận chuyển hành khách, trong đó thị phần vận chuyển khách nội địa là 46,7%. Hiện nay, Vietnam Airlines là hãng hàng không truyền thống duy nhất tại Việt Nam với sản phẩm nội địa có sự khác biệt hóa (Hạng Thương gia, chương trình Khách hàng thường xuyên – GLP, Phòng chờ Bông Sen Vàng tiêu chuẩn 4 sao). Ngày 12/7/2016, VNA đã vinh dự được SkyTrax trao

chứng nhận là hãng hàng không đạt tiêu chuẩn quốc tế 4 sao, đứng thứ 44 trong 100 hãng hàng không tốt nhất thế giới và top 3 hãng hàng không tiến bộ nhất thế giới năm 2016. Vị trí số một Việt Nam của hãng còn thể hiện ở mạng bay nội địa rộng khắp mọi vùng miền của đất nước, tần suất khai thác dày đặc, lịch nổi chuyến thuận tiện và mạng đường bay quốc tế mở rộng nhanh chóng. Với việc tiếp nhận hãng hàng không giá rẻ JPA và phối hợp với JPA thực hiện chiến lược **“thương hiệu kép – dual brands”**, Vietnam Airlines cạnh tranh và chiếm lĩnh khách doanh thu cao và trung bình trong khi JPA sẽ cạnh tranh trực tiếp với các hãng hàng không giá rẻ (Low Cost Carrier) khác và chiếm lĩnh tăng trưởng của phân thị khách doanh thu thấp. Chiến lược này sẽ càng củng cố thêm vị thế của Vietnam Airlines trên thị trường.

Mạng đường bay rộng khắp tại khu vực CLMV cũng là thế mạnh của Vietnam Airlines, đặc biệt so với các đối thủ cạnh tranh khác. VNA có mạng đường bay với tần suất lớn đi/đến các điểm chính trong khu vực CLMV. Ngoài ra, Vietnam Airlines có thể kết hợp sản phẩm với hãng Cambodia Angkor Air (K6) để tạo ra các sản phẩm bay kết hợp điểm đến. Mạng đường bay trong tiểu vùng vẫn tiếp tục được coi là thế mạnh của Vietnam Airlines trong việc cạnh tranh với các hãng hàng không khác, đặc biệt là đối tượng khách có nhu cầu du lịch kết hợp Việt Nam với các điểm trong khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu với sản phẩm dày đặc, phục vụ nổi chuyến tốt các thị trường nguồn là Châu Âu, Đông Bắc Á tạo lợi thế cạnh tranh cho các thị trường nguồn.

 **Vietnam Airlines có đội tàu bay trẻ với chủng loại tàu bay thuộc loại tiên tiến, hiện đại trên thế giới.**

Tính đến 31/10/2016, so với các hãng hàng không trong nước, Vietnam Airlines có số lượng đội bay khai thác nhiều nhất, với 88 chiếc máy bay, chiếm trên 68% tổng số tàu bay khai thác của các hãng hàng không nội địa Việt Nam. Tỷ lệ máy bay sở hữu tính theo đầu máy bay tại 31/10/2016 đạt 62,5%, tuổi trung bình toàn đội bay là 6,17 năm, có đội bay trẻ không chỉ trong khu vực mà trên thế giới. Cơ cấu đội bay hiện đại, tiên tiến trên tổng số tàu bay cao so với các hãng hàng không trong khu vực và trên thế giới, chủ yếu sử dụng máy bay do hai hãng sản xuất tàu bay thương mại hàng đầu là Boeing (Mỹ) và Airbus (Châu Âu) chế tạo.

Đội bay đã phát triển ổn định và không ngừng hiện đại: đội tàu bay khai thác của Vietnam Airlines đã tăng từ 76 chiếc năm 2011 lên 88 chiếc tính đến 31/10/2016 (chưa kể các tàu cho Cambodia Angkor Air - K6 và JPA thuê), trong đó số lượng tàu bay sở hữu tăng trong kỳ là 26 chiếc. Đặc biệt Vietnam Airlines đã đưa vào khai thác 05 tàu bay A350 và 09 tàu bay Boeing B787 Dreamliner từ quý III/2015 và là hãng hàng không đầu tiên trong khu vực Châu Á TBD khai thác đồng thời 2 dòng tàu bay hiện đại, thế hệ mới của Airbus và Boeing.

 **Vietnam Airlines sở hữu hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ bay, cơ sở dịch vụ mặt đất hoàn chỉnh:**

Ngoài đội tàu bay, Vietnam Airlines còn có lợi thế rất lớn từ việc sở hữu hệ thống hạ tầng kỹ thuật phục vụ bay, các cơ sở dịch vụ mặt đất hoàn chỉnh với nhiều lĩnh vực đem lại

lợi nhuận cao. Nhờ đó, Vietnam Airlines không bị phụ thuộc vào các đối tác cung ứng. Điều này có được từ lịch sử quá trình hình thành và phát triển của Vietnam Airlines. Năm 1993, khi được thành lập, Vietnam Airlines là đơn vị kinh doanh vận tải hàng không duy nhất, cho đến khi được thành lập lại theo Quyết định số 328/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ vào năm 1995, Vietnam Airlines đã kết nạp thêm 20 doanh nghiệp khác trong ngành. Các doanh nghiệp này cung cấp các dịch vụ phụ trợ vận tải, phục vụ kỹ thuật... và cùng với Vietnam Airlines tạo thành một dây chuyền phục vụ vận tải hàng không đồng bộ gồm: vận tải hàng không, cung ứng dịch vụ đồng bộ... Hiện nay, ngoài 31 chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài, Vietnam Airlines có 11 đơn vị trực thuộc, 15 công ty con và 05 công ty liên kết. Các đơn vị này trực tiếp hoặc gián tiếp cung cấp các sản phẩm dịch vụ phục vụ hoạt động vận tải hàng không của Vietnam Airlines và các hãng hàng không trong và ngoài nước khác, mang lại doanh thu và lợi nhuận cho Vietnam Airlines. Trong số các công ty con, Vietnam Airlines đang sở hữu 4 công ty 100% vốn của Vietnam Airlines gồm Công ty TNHH MTV Nhiên liệu Hàng không (SKYPEC), Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay (VAECO), Công ty TNHH Suất ăn Việt Nam (VACS) và Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay (VIAGS), là một trong số ít các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm dịch vụ đặc thù phục vụ hoạt động của hãng hàng không. SKYPEC là một trong số hai doanh nghiệp cung cấp nhiên liệu hàng không Jet A-1 tại Việt Nam, chiếm trên 75% thị phần. SKYPEC còn là đơn vị duy nhất cung ứng nhiên liệu tại tất cả các sân bay dân dụng trên toàn lãnh thổ Việt Nam có nhu cầu sử dụng nhiên liệu hàng không. VAECO là công ty duy nhất tại Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật bảo dưỡng các loại máy bay thương mại, động cơ và các trang thiết bị cho hàng không Việt Nam và các hãng hàng không khác. VACS là công ty duy nhất cung cấp dịch vụ suất ăn trên các chuyến bay đi/đến tại sân bay Tân Sơn Nhất. VIAGS là mô hình kinh doanh đầu tiên tại Việt Nam chuyên cung cấp các dịch vụ mặt đất sân bay đồng bộ, đạt chuẩn quốc tế tại 3 sân bay lớn: Tân Sơn Nhất, Đà Nẵng và Hà Nội.

Các doanh nghiệp có vốn góp của Vietnam Airlines đã từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh và mở rộng thị trường ra ngoài Vietnam Airlines. Nhờ đó hiệu quả sản xuất kinh doanh của một số doanh nghiệp đạt mức khá cao như Công ty TNHH dịch vụ hàng hóa Tân Sơn nhất (TCS), Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Nội bài (NCTS), Công ty cổ phần suất ăn Nội bài (NCS), Công ty TNHH Suất ăn Tân Sơn Nhất, Công ty cổ phần dịch vụ Hàng không sân bay Nội bài (NASCO)....

Vietnam Airlines có đội ngũ nhân sự trẻ, được đào tạo bài bản.

Thông qua chiến lược đào tạo chủ động, bài bản, nguồn nhân lực của Vietnam Airlines ngày càng được hoàn thiện cả về số lượng và chất lượng. Vietnam Airlines đã xây dựng được đội ngũ lao động chuyên môn hóa sâu, tay nghề cao đảm bảo an toàn, an ninh trong khai thác cũng như chất lượng dịch vụ tốt, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của hành khách. Số lượng lao động trẻ chiếm tỷ trọng chủ yếu trong cơ cấu lao động của Vietnam Airlines (69,7% dưới 40 tuổi, trong đó dưới 30 tuổi chiếm 26,3%. Lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm tới 60% (số liệu 31/10/2016). Đội ngũ cán bộ quản lý cấp cao có tâm huyết, được đào tạo cơ bản, có kiến thức, chuyên môn và kinh nghiệm vững vàng. Đội ngũ lao động đặc thù của ngành hàng không của Vietnam Airlines như: phi công, kỹ thuật hàng

không, tiếp viên, cán bộ quản lý cấp trung đều được đào tạo bài bản, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có nhiệt huyết cống hiến cho ngành hàng không.

Vị thế của Vietnam Airlines trên các thị trường khu vực.

Thị trường nội địa.

Vietnam Airlines là hãng hàng không có mạng đường bay nội địa lớn nhất, ngoài ra có mạng đường bay khai thác và hợp tác với các hãng hàng không khác, khai thác khách quốc tế đi kết hợp nội địa.

Thị trường nội địa được cạnh tranh chủ yếu bởi các hãng hàng không là Vietnam Airlines, Jetstar Pacific Airlines và Vietjet Air. Trong đó, Jetstar Pacific Airlines là công ty con của Vietnam Airlines, hoạt động theo mô hình hãng hàng không chi phí thấp, khai thác trên các đường bay nội địa và quốc tế khu vực có cạnh tranh giá rẻ và phối hợp chặt chẽ với Vietnam Airlines về sản phẩm và hỗ trợ chia sẻ các nguồn lực khai thác.

Vị thế chung trên thị trường quốc tế.

Với vị trí địa lý nằm giữa Đông Bắc Á, Đông Nam Á, Châu Âu, Nam Thái Bình Dương và Trung Quốc, Việt Nam được coi là cửa ngõ của các khu vực. Tính đến ngày 31/10/2016, Vietnam Airlines có mạng đường bay quốc tế gồm 55 đường bay đến 29 điểm thuộc 17 quốc gia và vùng lãnh thổ, mạng đường bay nội địa gồm 41 đường bay đến 21 điểm, trong đó mạng đường bay quốc tế đã nhanh chóng mở rộng và phát triển tại các khu vực Châu Âu (Anh, Nga), Đông Bắc Á (Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan) và Tiểu vùng Campuchia - Lào - My-an-ma (CLM).

Theo số liệu thống kê của Vietnam Airlines, trong năm 2015, thị phần vận chuyển hành khách quốc tế của Vietnam Airlines được duy trì ở mức 40,1%

Thị trường khu vực Châu Âu.

Ngoại trừ các đường HAN/SGN-MOW và SGN-CDG, Vietnam Airlines là hãng bay thẳng duy nhất trên đường bay HAN-CDG, HAN/SGN-FRA, HAN/SGN-LGW. Bên cạnh đó, do đặc tính khách du lịch đường dài thường đi kết hợp nhiều điểm đến, mạng đường bay bổ trợ tần suất cao đến 5 điểm của khu vực CLMV và nội địa Việt Nam là thế mạnh của Vietnam Airlines.

Thị trường khu vực Đông Bắc Á.

Vietnam Airlines có sản phẩm tần suất cao, hầu hết là 1-2 chuyến/ngày; số lượng điểm đi/đến quốc tế lớn hơn so với các hãng khai thác cạnh tranh trực tiếp, mạng đường bay bổ trợ tần suất cao đến 5 điểm đến của CLMV và nội địa Việt Nam cũng là thế mạnh của Vietnam Airlines tại khu vực này.

Vietnam Airlines có thể tiếp tục mở thêm các đường bay mới nối các thị trường Đông Bắc Á với các điểm đến tiềm năng Miền Trung Việt Nam, gia tăng lợi thế cạnh tranh. Việc Hàn Quốc và Nhật Bản mở cửa thị trường lao động cũng mở ra cơ hội bán phân khúc khách lao động cho Vietnam Airlines.

Khu vực Đông Nam Á, Úc.

Trong bối cảnh nhu cầu du lịch đi khu vực tiếp tục tăng trưởng và phát triển ổn định, Vietnam Airlines hầu hết đã có tần suất 2-3 chuyến trên các đường bay đi/đến SIN/BKK/KUL, tạo cơ hội nối chuyến thuận lợi 2 chiều đến các thị trường Châu Âu, Đông Bắc Á. Hiện nay, Vietnam Airlines là hãng duy nhất khai thác đường bay thẳng đi/đến Úc.

Khu vực CLMV.

Vietnam Airlines có mạng đường bay với tần suất lớn đi/đến các điểm chính trong khu vực CLMV. Ngoài ra, Vietnam Airlines có thể kết hợp sản phẩm với Cambodia Angkor Air (K6) để tạo ra các sản phẩm bay kết hợp điểm đến.

CLMV vẫn tiếp tục được coi là thế mạnh của Vietnam Airlines trong việc cạnh tranh với các hãng hàng không khác, đặc biệt là đối tượng khách có nhu cầu du lịch kết hợp Việt Nam với các điểm trong khu vực như Nhật Bản, Hàn Quốc, Châu Âu.

Với sản phẩm dày đặc, phục vụ nối chuyến tốt các thị trường nguồn là Châu Âu, Đông Bắc Á, tạo lợi thế cạnh tranh cho các thị trường nguồn.

11.2. Triển vọng phát triển của ngành.

Triển vọng phát triển ngành hàng không thế giới.

Tăng trưởng ngành hàng không thế giới hưởng lợi từ giá dầu giảm và tỉ giá. Theo số liệu của Hiệp hội Hàng không quốc tế, trong năm 2015 ngành hàng không thế giới vận chuyển được 3,5 tỉ lượt khách, lưu lượng vận chuyển hành khách tính theo lượng doanh thu được mỗi km (RPK - Revenue Passenger Kilometre) tăng trưởng 7,4%, là mức tăng cao nhất so với mức trung bình từ 2010 đến nay (5,5%). Lưu lượng vận chuyển hàng hóa tính theo kết quả kinh doanh tấn hàng trên mỗi km (FTK - Freight Ton Kilometre) tăng trưởng 2,3%, và ngành hàng không vận chuyển được 51,5 triệu tấn hàng hóa với mức giá trị 6 nghìn tỉ USD.

Lợi nhuận sau thuế toàn ngành trong năm 2015 đạt mức 35,3 tỷ USD tương đương tỷ suất lợi nhuận ròng 8,3%, tăng trưởng mạnh so với năm 2014 (4,7%) và gấp 3 lần so với 2013.

Bảng 6: Một số chỉ tiêu ngành hàng không thế giới

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016 dự báo
Doanh thu ngành, tỷ USD	720	751	718	709
% tăng trưởng	2,1%	4,3%	-4,4%	-0,13%
Lợi nhuận sau thuế, tỷ USD	10,7	13,7	35,3	39,4
LNST/Doanh thu	1,5%	1,8%	4,9%	5,6%
Khách vận chuyển, triệu lượt	3.152	3.328	3.568	3.783
% tăng trưởng	5,2%	5,7%	7,4%	6,2%
Hàng hóa vận chuyển, triệu tấn	49,5	51,5	52,2	53,2
% tăng trưởng	2,5%	2,6%	2,4%	2,3%

% tăng trưởng GDP toàn cầu	2,5%	2,6 %	2,4%	2,1%
----------------------------	------	-------	------	------

Nguồn: <http://www.iata.org>

Trên cơ sở những dấu hiệu của nền kinh tế thế giới, dự báo giá dầu vẫn duy trì ở mức thấp, mức ảnh hưởng tỉ giá của các đồng tiền so với USD như Rub – Nga, nhu cầu di chuyển bằng đường hàng không (bao gồm cả du lịch và kinh doanh) cũng như nhu cầu về vận chuyển hàng hóa dự báo sẽ tiếp tục đạt mức tăng trưởng. Hiệp hội hàng không thế giới dự kiến trong năm 2016, ngành hàng không thế giới sẽ tiếp tục vận chuyển được khoảng 3,7 tỉ lượt khách, tuy nhiên tổng mức doanh thu toàn ngành giảm còn 709 tỷ USD. Ngoài ra, vận tải hàng hóa được kỳ vọng đạt mức tăng trưởng với tốc độ 2,1%.

Triển vọng phát triển ngành hàng không tại Việt Nam

Theo số liệu báo cáo của Cục Hàng không Việt Nam từ năm 2011 - 2016, ngành Hàng không Việt Nam tiếp tục duy trì tốc độ tăng trưởng cao. Theo dự báo của Hiệp hội Hàng không quốc tế (IATA) trong giai đoạn từ 2013 – 2017, Việt Nam là thị trường hàng không đang phát triển nhanh và năng động, xếp thứ 7 trong số những thị trường phát triển nhanh nhất thế giới.

Năm 2016, tổng thị trường vận chuyển hành khách ước đạt 49 triệu lượt khách (tăng 26% so với 2015) và thị trường hàng hóa ước đạt 902 nghìn tấn (tăng 7,9% so với năm 2013). Trong giai đoạn 2011 – 2016, tốc độ tăng trưởng trung bình của vận tải hành khách và vận tải hàng hóa lần lượt đạt mức 15,8% và 13,6%. Nằm trong khu vực các quốc gia Đông Nam Á, thị trường Việt Nam chứng kiến nhu cầu tăng trưởng mạnh mẽ trong hoạt động vận chuyển hành khách cũng như vận chuyển hàng hóa, thúc đẩy sự phát triển của hàng không.

Theo đề án “Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030”, đến năm 2020, Việt Nam sẽ thu hút được 10,5 triệu lượt khách quốc tế, phục vụ 47,5 triệu lượt khách nội địa; đến năm 2030 thu hút được 18 triệu lượt khách quốc tế và 71 triệu lượt khách nội địa. Năm 2020, tổng thu từ ngành du lịch đạt 18,5 tỷ USD, chiếm 7% GDP; đến năm 2030 đạt 35,2 tỷ USD, chiếm 7,5% GDP. Theo đề án, dự báo ngành du lịch sẽ đạt tốc độ tăng trưởng trung bình trên 30% về doanh thu và khoảng 20% về lượng khách, qua đó nhu cầu du lịch gia tăng vẫn là yếu tố chính thúc đẩy sự phát triển của ngành hàng không, trên cơ sở tính nhanh chóng và thuận tiện của vận tải hàng không, trong khi chi phí ngày càng tiệm cận với các loại hình vận chuyển khác bằng đường bộ và đường sắt. Sự phát triển của ngành du lịch chính là nguồn thu quan trọng và sẽ là một trong những động lực phát triển của ngành vận tải hàng không Việt Nam.

11.3.Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.

Theo định hướng phát triển, Vietnam Airlines sẽ trở thành doanh nghiệp vận tải hàng không có năng lực mạnh về tài chính và là một thương hiệu uy tín trong ngành hàng không của Châu Á, trong đó dịch vụ vận tải hàng không có vai trò chủ chốt, các dịch vụ phụ trợ vận tải sẽ do các Công ty con và Công ty liên kết thực hiện.

Triển khai chiến lược phát triển thương hiệu kép với JPA; trong đó, Vietnam Airlines sẽ phát triển theo mô hình Hãng hàng không truyền thống với việc xây dựng một hệ thống các đường bay tới các nền kinh tế lớn, các trung tâm tài chính lớn của thế giới với khách hàng mục tiêu là các hành khách có thu nhập cao, khách công vụ, khách du lịch. Chiến lược hàng không giá rẻ sẽ được thực hiện bởi JPA, tập trung chủ yếu phân thị khách doanh thu thấp tại thị trường nội địa và thị trường khu vực.

Theo Quyết định số 21/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phát triển giao thông vận tải hàng không Việt Nam, Vietnam Airlines sẽ được phát triển để trở thành đơn vị nòng cốt của lực lượng vận tải hàng không Việt Nam, có tầm cỡ trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương với thị trường quốc tế và thị trường nội địa là trọng tâm; phát triển JPA theo hướng là hãng hàng không giá rẻ khai thác thị trường nội địa và thị trường Đông Bắc Á, thị trường Đông Nam Á. Như vậy, có thể thấy định hướng phát triển của Vietnam Airlines là phù hợp với định hướng về chính sách, quy hoạch của Nhà nước.

Chiến lược sử dụng thương hiệu kép (Vietnam Airlines và JPA) để phát triển 2 mảng thị trường dự kiến mang lại hiệu quả cao nhờ việc đồng thời giữ được thương hiệu Vietnam Airlines mang đẳng cấp cao mà vẫn phát triển được thị trường tiềm năng hàng không giá rẻ qua thương hiệu JPA. Chiến lược này cũng là xu hướng chung trên thế giới như hãng Singapore Airlines (SIA) cũng phát triển và đã áp dụng thành công với việc vận hành đồng thời 2 thương hiệu SIA dành cho thương gia, khách doanh thu cao và Tiger Airways phục vụ hàng không giá rẻ.

13. Chính sách đối với người lao động

12.1. Số lượng và cơ cấu lao động trong Tổng công ty;

Tổng số lao động tại thời điểm 31/10/2016 là 6.276 người, với cơ cấu như sau:

Bảng 7: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/10/2016

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
Theo giới tính		
Nam	3.210	51%
Nữ	3.087	49%
Theo trình độ		
Đại học và trên đại học	3.801	60%
Cao đẳng, trung cấp	1.042	17%
Lao động có tay nghề	1.393	22%
Lao động phổ thông	75	1%
Theo loại hợp đồng lao động		
Không thời hạn	5.743	91%
Có thời hạn	554	9%
Tổng số lao động	6.297	100%

Nguồn: Vietnam Airlines

12.2 Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.

Nguồn lao động của Vietnam Airlines đã phát triển về số lượng và chất lượng, cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh. Song song với việc đổi mới đội bay và trang thiết bị kỹ thuật hàng không, Vietnam Airlines đã nhanh chóng trẻ hóa và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho lực lượng lao động, đặc biệt là các lao động đặc thù như người lái, tiếp viên, kỹ sư và thợ kỹ thuật máy bay được chú trọng phát triển, từng bước giảm số lao động phải thuê nước ngoài, đặc biệt là phi công.

Về chất lượng lao động, lực lượng lao động của Vietnam Airlines về cơ bản có tuổi đời trẻ: 69,7% dưới 40 tuổi, trong đó dưới 30 tuổi chiếm 26,3% (số liệu 31/10/2016). Tỷ trọng lao động có trình độ đại học và trên đại học chiếm tới 60%. Đội ngũ cán bộ quản lý được đào tạo cơ bản, có kiến thức, chuyên môn và kinh nghiệm vững vàng. Đại bộ phận đội ngũ lao động của Vietnam Airlines có chuyên môn sâu, tay nghề cao, như: phi công, kỹ thuật hàng không, tiếp viên, đội ngũ cán bộ quản lý đều được đào tạo cơ bản, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có nhiệt huyết cống hiến cho ngành hàng không.

Lực lượng lao động trẻ được đào tạo khá tốt tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài nước được bổ sung trong những năm qua đã nhanh chóng trưởng thành và đang từng bước thay thế thế hệ cao tuổi. Với mục tiêu tới năm 2020, Vietnam Airlines sẽ trở thành hãng hàng không thuộc nhóm đứng đầu trong khu vực Đông Nam Á với chất lượng các dịch vụ đạt tiêu chuẩn quốc tế 04 sao trong giai đoạn 2015-2016, Vietnam Airlines đã và đang không ngừng nâng cao chất lượng đội ngũ lao động thông qua việc chuẩn hóa các chức danh nghề nghiệp, xây dựng và tổ chức các khóa đào tạo, chương trình đào tạo nhân viên...

Công tác tổ chức và phát triển nguồn nhân lực được đổi mới từng bước vững chắc và đạt tiến bộ về nhiều mặt. Vietnam Airlines đã chủ động triển khai nhiều biện pháp, đa dạng hóa trong khâu tuyển dụng và đào tạo nhân lực đặc thù, đặc biệt là nguồn nhân lực vận hành khai thác, bảo dưỡng tàu bay, thương mại và đội ngũ lãnh đạo, cán bộ quản lý chuyên ngành. Coi nguồn lao động đặc thù là tài sản quan trọng, Vietnam Airlines đã quan tâm đầu tư cho tuyển chọn và đào tạo theo hướng tăng cường đào tạo, huấn luyện trong nước, giảm tỷ lệ thuê lao động nước ngoài. Đến hết năm 2016, Vietnam Airlines có 764 phi công Việt Nam, đáp ứng được 70% nhu cầu khai thác. Số lượng lao động kỹ thuật có chứng chỉ là 1.300 người, đáp ứng được công tác bảo dưỡng tàu bay của Tổng công ty. Trong giai đoạn 2014 - 2016, Vietnam Airlines đã triển khai tích cực và hoàn thành đào tạo nguồn nhân lực cho chuyển giao đội tàu bay thế hệ mới A350 và B787 vào khai thác.

Nhằm huy động các nguồn lực xã hội vào công tác đào tạo, từ năm 2014, Vietnam Airlines đã triển khai chính sách xã hội hóa đào tạo phi công (Vietnam Airlines đưa ra chương trình đào tạo, định hướng các trung tâm đào tạo phi công cơ bản có chất lượng, các học viên tự chi trả kinh phí đào tạo và Vietnam Airlines sẽ tuyển dụng khi học viên hoàn thành khóa học). Đây là một bước thay đổi căn bản trong công tác đào tạo của Vietnam Airlines góp phần tiết kiệm chi phí đào tạo.

Năng suất lao động tăng 10% mỗi năm theo ghế luân chuyển, so với các hãng thuộc Liên minh SkyTeam, Oneworld, Vietnam Airlines đứng ở hạng trung bình-khá, tương đương với các hãng China Southern Airlines, Korean Air, American Airlines.

Các chế độ, chính sách đối với người lao động luôn được Vietnam Airlines bảo đảm ở mức độ hợp lý nhất. Giai đoạn 2011-2015, Vietnam Airlines đã thực hiện 5 đợt cải cách tiền lương, góp phần chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Các chế độ về tiền lương, bảo hiểm, bảo hộ, tham quan, nghỉ dưỡng... được thực hiện đầy đủ. Theo đó, Vietnam Airlines đã từng bước cải tiến chính sách tiền lương theo hướng gắn với năng suất và hiệu quả công việc. Mức thu nhập bình quân của người lao động năm 2015:

Người lái	: 101 triệu đồng/ tháng.
Tiếp viên	: 22,6 triệu đồng/ tháng.
Lao động còn lại	: 14,2 triệu đồng/tháng.

14. Chính sách cổ tức

Cổ tức được chia theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản trị. Vietnam Airlines chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của Pháp luật, trích lập các quỹ Vietnam Airlines và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của Điều lệ công ty và Pháp luật; ngay sau khi trả hết số cổ tức đã định, Vietnam Airlines vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn (nếu có).

Theo phương án phân phối lợi nhuận của công ty mẹ đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua, Tổng Công ty không có kế hoạch chi trả cổ tức từ lợi nhuận năm 2015.

15. Tình hình tài chính

14.1.Trích khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Thời gian (số năm)
Máy bay	: 12 -20
Động cơ máy bay	: 10
Nhà xưởng, vật kiến trúc	: 10-25
Máy móc, thiết bị	: 5-10
Phương tiện vận tải mặt đất	: 7-10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	: 3-5
Tài sản cố định khác	: 5 -7

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian hữu dụng ước tính tương tự như với tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất, giá trị các phần mềm tin học dùng trong quản lý như phần mềm quản lý giá vận chuyển hành khách/hàng hóa, phần mềm kế toán. Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Đối với quyền sử

dụng đất được cấp không có thời hạn thì không thực hiện trích khấu hao. Các phần mềm được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 năm đến 7 năm.

14.2. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Tổng Công ty thực hiện thanh toán các khoản nợ đến hạn đầy đủ và đúng hạn

14.3. Các khoản phải nộp theo luật định

Tổng Công ty thực hiện nộp đầy đủ các khoản phải nộp theo luật định

14.4. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định tại điều lệ hiện hành của Tổng Công ty, hàng năm VNA sử dụng lợi nhuận sau thuế của mình như sau:

- Trích lập các quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi và các quỹ khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Các quỹ dự trữ khác theo quy định của Pháp luật

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016, việc trích lập các quỹ như sau sau: trích quỹ phúc lợi 5.632.278.467 đồng và trích quỹ thưởng Viên chức quản lý: 242.797.500 đồng.

14.5. Tổng dư nợ vay

Bảng 8: Tình hình nợ vay

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/9/2016
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.177	13.751	14.599
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	34.336	48.483	45.235

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán từ 01/1/2015-31/3/2015, báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán cho giai đoạn từ 01/04/2015 đến 31/12/2015 và báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm 2016)

14.6. Tình hình công nợ hiện nay

Bảng 9: Tình hình công nợ phải thu

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
I. Các khoản phải thu ngắn hạn	10.891	12.169	13.809
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	3.075	3.132	3.391
Trả trước cho người bán	7.116	7.912	9.126
Các khoản phải thu khác	905	1.202	1.378
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	(205)	(77)	(86)
Tài sản thiếu chờ xử lý			0,3
II. Các khoản phải thu dài hạn	4.296	7.036	9.614
Phải thu dài hạn của khách hàng	0	1,4	1,4
Trả trước cho người bán	0	4.706	7.709

Phải thu dài hạn khác	4.296	2.329	1.906
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	0	(1,4)	(1,8)
III. Tổng cộng	15.187	19.205	23.423

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán từ 01/1/2015-31/3/2015, báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán cho giai đoạn từ 01/04/2015 đến 31/12/2015 và báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm 2016)

Bảng 10: Tình hình công nợ phải trả

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Nợ ngắn hạn	26.123	27.735	32.110
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	11.177	13.751	14.599
Phải trả cho người bán	9.478	9.168	9.283
Người mua trả tiền trước	213	241	286
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	223	384	439
Phải trả người lao động	882	1.089	1.326
Chi phí phải trả	2.361	2.547	4.862
Doanh thu chưa thực hiện	-	6	460
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.613	357	676
Dự phòng phải trả ngắn hạn	-	40	2
Quỹ khen thưởng phúc lợi	175	152	178
Nợ dài hạn	35.148	49.304	46.411
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	34.336	48.483	45.235
Phải trả dài hạn khác	481	814	1.118
Thuế thu nhập hoãn lãi phải trả	173	7	56
Doanh thu chưa thực hiện	6	0,3	1
Dự phòng phải trả dài hạn	152	-	-
Tổng cộng	61.271	77.039	78.521

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán từ 01/1/2015-31/3/2015, báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán cho giai đoạn từ 01/04/2015 đến 31/12/2015 và báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm 2016)

14.7 Đầu tư tài chính

Bảng 11: Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	31/12/2014	31/12/2015	30/09/2016
Đầu tư tài chính ngắn hạn	211	382	549
Đầu tư tài chính dài hạn	2.053	1.966	2.016
Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	1.800	1.580	1.624
Đầu tư dài hạn khác	259	400	408

Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(5)	(14)	(15)
Tổng cộng	2.264	2.348	2.565

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán từ 01/1/2015-31/3/2015, báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán cho giai đoạn từ 01/04/2015 đến 31/12/2015 và báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm 2016)

14.8. Các chỉ tiêu tài chính

Bảng 12: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	31/12/2014	2015	
				31/3	31/12
I	Khả năng thanh toán				
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	0,72	0,73	0,69
2	Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,65	0,66	0,63
II	Cơ cấu tài sản, nguồn vốn				
1	Nợ phải trả/Tổng Tài sản	%	84,85	83,09	86,38
2	Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	Lần	5,87	4,91	6,34
III	Hệ số khả năng sinh lời				
1	Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,59	0,45	0,60
2	Lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	%	1,59	1,82	2,65
3	Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,60	1,94	0,98
4	LN từ HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	0,34	1,51	(0,91)
IV	Năng lực hoạt động				
1	Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0,97	0,23	0,61
2	Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	20,68	7,72	23,81

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2014, báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán cho giai đoạn từ 01/04/2015 đến 31/12/2015 và báo cáo tài chính hợp nhất 9 tháng đầu năm 2016).

16. Tài sản

15.1. Chi tiết tài sản cố định

Bảng 13: Chi tiết tài sản cố định tại thời điểm 31/12/2015

Đơn vị: Tỷ đồng

Chủng loại tài sản	Nguyên giá	GTCL	GTCL/Nguyên giá (%)
I. TSCĐ hữu hình	26.086	13.809	52,93
1. Máy bay sở hữu	19.504	10.908	55,93
2. Nhà cửa, vật kiến trúc	1.948	1.209	62,01
3. Máy móc thiết bị các loại	1.728	709	41,03
4. Phương tiện vận tải mặt đất	1.920	631	32,86

5. Thiết bị dụng cụ quản lý	784	267	34,06
6. TSCĐ khác	201	86	42,79
II. TSCĐ thuê tài chính	55.223	41.332	74,85
III. TSCĐ vô hình	554	174	31,41
1. Phần mềm máy tính	431	84	19,49
2. Quyền sử dụng đất	122	90	73,77
3. TSCĐ vô hình khác	1	-	
Tổng cộng (I + II+III)	81.862	55.315	67,57

Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán 9T cuối năm 2015

15.2. Sở hữu đất đai

Tổng số diện tích đất Tổng công ty đang sử dụng tại thời điểm 31/10/2016 là 285.890,9 m², cơ cấu như sau:

Bảng 14: Cơ cấu đất đai Tổng Công ty đang quản lý

STT	Phân loại đất	31/10/2016		31/12/2015	
		Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
1	Đất được Nhà nước giao (thu tiền sử dụng đất lâu dài)	8.462,6	3,0	8.462,6	2,8
2	Đất được Nhà nước cho thuê (trả tiền hàng năm)	256.806,1	89,8	272.396,6	90,4
3	Hình thức khác (*)	20.622,2	7,2	20.622,2	6,8
Tổng cộng		285.890,9	100	301.481,4	100

(*) Đang làm thủ tục trả lại địa phương

Nguồn: Vietnam Airlines

17. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Hiện tại, Tổng Công ty chưa thông qua kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của năm 2017

Bảng 15: Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016

Đơn vị tính: Triệu đồng			
TT	Chỉ tiêu	Năm 2016	
		Kế hoạch	% Tăng giảm so với 2015
1 Doanh thu			
	Công ty mẹ	62.911	111,05
	Hợp nhất	77.806	112,55
2 Lợi nhuận trước thuế			
	Công ty mẹ	1.568	555,20
	Hợp nhất	2.321	221,30
3 LNST/Doanh thu thuần (ROS)		2,51	+2,01
4 LNST/Vốn chủ sở hữu (ROE)		7,93	+5,72

(Nguồn: Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016)

Tính đến 31/12/2016, doanh thu thuần hợp nhất của VNA ước đạt **76.060 tỷ đồng**, bằng 95,56% kế hoạch năm và lợi nhuận hợp nhất trước thuế ước đạt **2.483 tỷ đồng**, bằng 107% so với kế hoạch năm.

Căn cứ để đạt được kế hoạch.

🌸 Doanh thu trung bình nội địa dự báo được cải thiện từ năm 2016 cùng với quá trình hồi phục của nền kinh tế.

🌸 Đối với đường bay quốc tế, chính sách marketing nhằm tăng tỉ trọng bán khách hạng C (thương gia) và Y-Deluxe (phổ thông đặc biệt) được đẩy mạnh từ năm 2015 khi đưa tàu bay mới A350, B787-9 vào khai thác và dịch vụ của Vietnam Airlines đạt tiêu chuẩn 4 sao. Do cơ cấu khách thay đổi, nên doanh thu hành khách trung bình sẽ tăng. Dự kiến doanh thu trung bình các đường bay, đặc biệt là các đường bay quốc tế khai thác bằng tàu bay mới sẽ tăng từ 2016 và tăng mạnh từ năm 2017.

🌸 Doanh thu đã bao gồm cả thu nhập từ việc cơ cấu, đổi mới đội tàu bay.

🌸 Theo dự báo của Cục năng lượng Mỹ EIA, Worldbank, IMF, EIU, giá dầu dự kiến duy trì ở mức khoảng 55 -60 USD/thùng JetA1 nên dẫn đến tỷ trọng chi phí nhiên liệu giảm.

Bảng 16: Chi phí nhiên liệu trên doanh thu thuần 2013- 9 tháng 2016

Đơn vị: tỷ đồng

Nội dung	2013	2014	2015	9 tháng 2016
Chi phí nhiên liệu	20.351	21.145	16.584	9.690
Doanh thu thuần	52.460	53.512	53.433	43.047
CF nhiên liệu/DT thuần	38,79%	39,51%	31,04%	22,51%

(Nguồn: Báo cáo tài chính Công ty mẹ VNA kiểm toán 2014, 2015 và báo cáo tài chính Công ty mẹ VNA 9 tháng 2016)

18. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của công ty đại chúng

Không có.

19. Chiến lược, định hướng phát triển sản xuất kinh doanh

🌸 Mục tiêu tổng quát

Xây dựng Tổng công ty thành doanh nghiệp mạnh, là Hãng Hàng không quốc gia, lực lượng vận tải chủ lực, giữ vai trò chủ đạo trong giao thông hàng không Việt Nam với các cơ sở hạ tầng kỹ thuật bảo dưỡng và đào tạo chuyên ngành tiên tiến, là cầu nối quan hệ quốc tế của nước Việt Nam hội nhập, trở thành hãng hàng không có tầm cỡ tại khu vực Đông Nam Á và giữ vị thế chi phối trong khu vực Tiểu vùng CLMV, kinh doanh có hiệu quả trên cơ sở cân đối hài hòa lợi ích của cổ đông và nhu cầu phát triển kinh tế của đất nước và là lực lượng dự bị đáng tin cậy cho an ninh quốc phòng.

Định hướng phát triển

- Khẳng định vị thế chủ lực của Hãng Hàng không quốc gia Việt Nam tại thị trường Việt Nam, coi trọng hiệu quả kinh tế đảm bảo lợi ích của các cổ đông đi đôi với việc thực hiện tốt các nhiệm vụ chính trị được Nhà nước giao, giữ vai trò chủ đạo trong giao thông hàng không là lực lượng dự bị cho an ninh quốc phòng;

- Phấn đấu đạt mục tiêu trở thành hãng hàng không tiên tiến, thuộc nhóm hãng hàng không đứng đầu khu vực ASEAN về quy mô, giữ vị thế chi phối trong vận tải hàng không Tiểu vùng CLMV; xây dựng Vietnam Airlines thành thương hiệu có uy tín của Việt Nam trên thị trường.

- Kết hợp với các Hãng hàng không trong TCT HKVN bao gồm Jetstar Pacific, Cambodia Angkor Air, VASCO xây dựng dải sản phẩm đáp ứng nhu cầu vận chuyển của các đối tượng khách hàng, tạo lợi thế về quy mô trong việc kết hợp quảng bá sản phẩm, đào tạo, huấn luyện, bảo dưỡng tàu bay, nâng cao năng lực cạnh tranh.

- Trong vận tải hàng không, lấy an toàn làm mục tiêu hàng đầu; nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ với nguyên tắc “định hướng khách hàng”, từng bước nâng dần tỷ trọng khách thu nhập cao; Thiết kế sản phẩm tạo ra bản sắc văn hóa trong dịch vụ Vietnam Airlines, khác biệt rõ nét với các hãng cạnh tranh đồng thời đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế đạt tiêu chuẩn 4 sao, phấn đấu đến năm 2020 trở thành hãng hàng không được ưa chuộng ở châu Á về chất lượng dịch vụ trên không và mặt đất.

- Bảo đảm phát triển bền vững thông qua chính sách đầu tư có trọng điểm vào ngành nghề kinh doanh chính tạo ra lợi thế cạnh tranh, nâng cao chất lượng dịch vụ vận tải hàng không của Vietnam Airlines và các công ty có vốn góp trên nguyên tắc đảm bảo cân đối nguồn vốn đầu tư và hiệu quả đầu tư. Tập trung đầu tư hạ tầng cơ sở kỹ thuật sửa chữa bảo dưỡng, cơ sở huấn luyện đào tạo chuyên ngành và các cơ sở trong dây chuyền dịch vụ đồng bộ tại các sân bay căn cứ.

- Linh hoạt trong bố trí, sử dụng nguồn lực đặc biệt là đội tàu bay và cơ sở hạ tầng kỹ thuật một cách chủ động trong từng giai đoạn phù hợp với dự báo thị trường.

- Phát huy tối đa nội lực, lấy phát triển nguồn nhân lực làm trọng tâm. Xây dựng bộ máy cán bộ, người lái, kỹ sư, chuyên gia tinh nhuệ về chuyên môn, năng suất lao động cao, có phẩm chất chính trị vững vàng, đảm đương tốt việc vận hành, quản lý một hãng hàng không chuyên nghiệp, quy mô lớn.

- Cân đối hài hòa giữa lợi ích của các cổ đông, doanh nghiệp và người lao động. Xây dựng văn hóa công ty, tạo môi trường làm việc văn minh, cơ hội đào tạo và phát triển nghề nghiệp, cải thiện thu nhập nhằm tạo sức thu hút các nguồn lực lao động chất xám cao và lao động đặc thù ở Việt Nam.

20. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Vietnam Airlines

19.1. Rủi ro liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh trên BCTC hợp nhất năm 2015 do tài sản bị tổn thất vì gặp sự cố thiên tai tại Kho Liên Chiêu, Đà Nẵng và vụ kiện liên quan

Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không Việt Nam (SKYPEC) là công ty con do Vietnam Airlines đầu tư 100% vốn điều lệ.

Ngày 16/10/2008, kho xăng dầu hàng không Liên Chiểu tại Thành phố Đà Nẵng của Xí nghiệp xăng dầu hàng không Miền Trung (đơn vị trực thuộc SKYPEC) bị sạt lở. SKYPEC đã có đơn khởi kiện Công ty CP Bảo hiểm xăng dầu PJICO (nay là TCT cổ phần bảo hiểm Petrolimex) lên Tòa kinh tế - Tòa án Nhân dân TP. Hà Nội yêu cầu PJICO bồi thường thiệt hại và chi phí khắc phục hậu quả tại kho xăng dầu hàng không Liên Chiểu.

Đến nay, sau khi đã thực hiện các thủ tục tố tụng ở các cấp tòa án có thẩm quyền, vụ việc vẫn chưa được giải quyết. Gần đây nhất, tại Bản án số 05/2014/KDTM-ST ngày 27/02/2014, Tòa án nhân dân tối cao tại TP. Hà Nội đã ra phán quyết buộc PJICO phải bồi thường số tiền bảo hiểm cho Công ty và Công ty phải bồi thường thiệt hại phần hàng hóa của Tổng công ty Xăng dầu Quân đội gửi tại kho xăng dầu Liên Chiểu. Ngày 06/03/2014, PJICO đã có đơn kháng cáo gửi Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội về việc không đồng ý với kết luận nêu trên. Đến thời điểm hiện tại, vẫn chưa có bản án có hiệu lực của Cơ quan pháp luật liên quan đến vụ kiện này. Khi có quyết định của Tòa án, SKYPEC sẽ thực hiện xử lý tài chính đối với các vấn đề liên quan tới sự cố tại kho xăng dầu hàng không Liên Chiểu theo quyết định của Tòa án.

Hiện nay, VNA đang phản ánh giá trị hàng tồn kho của Skypec bị thất thoát do sự cố sạt lở Kho Xăng dầu Hàng không Liên Chiểu rên khoản mục “Các khoản phải thu khác” với số tiền khoảng 8,6 tỷ đồng và khoản dự phòng phải trả Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Xăng dầu Quân đội trên khoản mục “Dự phòng phải trả ngắn hạn” với số tiền khoảng 40,3 tỷ đồng trên bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

19.2. Rủi ro liên quan đến Công ty cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không

Công ty cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không (APLACO) là doanh nghiệp được hình thành từ việc cổ phần hóa Công ty Nhựa cao cấp Hàng không năm 2006; trong đó, Vietnam Airlines hiện đang nắm giữ 30,41% cổ phần.

Năm 2011, căn cứ vào các quy định pháp luật và tài liệu có liên quan Vietnam Airlines đã tổ chức bàn giao tài sản, tiền vốn và lao động từ Công ty Nhựa cao cấp Hàng không sang APLACO với giá trị phần vốn nhà nước tại Biên bản bàn giao là 17.787.801.179 đồng. Đại diện các bên đã ký Biên bản bàn giao, tuy nhiên, nguyên Giám đốc Công ty Nhựa cao cấp Hàng không, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc và Kế toán trưởng APLACO chỉ nhất trí với giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chuyển đổi là 14.977.114.195 đồng, thấp hơn 2.810.686.984 đồng so với giá trị phần vốn Nhà nước do Vietnam Airlines quyết định theo ủy quyền của Bộ Giao thông vận tải.

Hiện nay, với tư cách là đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty cổ phần Nhựa cao cấp Hàng không, Vietnam Airlines đang nỗ lực giải quyết các vướng mắc, tồn đọng nêu trên. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Bộ Giao thông vận tải, Vietnam Airlines đang triển khai các biện pháp để tiếp tục xử lý, hoàn thành các thủ tục bàn giao phần vốn Nhà nước cho Công ty cổ phần Nhựa cao cấp hàng không theo quy định và thực hiện việc thoái vốn của Vietnam Airlines tại Công ty cổ phần Nhựa cao cấp hàng không theo Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 16/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tổng công ty Hàng không Việt Nam giai đoạn 2012 – 2015.”

PHẦN 2. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

1.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị

Bảng 17: Danh sách thành viên Hội đồng Quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty	Ghi chú
1	Ông Phạm Ngọc Minh	Chủ tịch HĐQT	TV HĐQT không điều hành
2	Ông Dương Trí Thành	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	TV HĐQT điều hành
3	Ông Tạ Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành
4	Ông Lưu Văn Hạnh	Thành viên HĐQT	TV HĐQT không điều hành
5	Ông Nguyễn Xuân Minh	Thành viên HĐQT	TV HĐQT Độc lập

1.1.1 Ông Phạm Ngọc Minh - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/02/1960

Số CMTND/Hộ chiếu: 024203282

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Hồi Ninh, huyện Kim Sơn, tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ thường trú: Nhà 27 – T3 Khu Nam Thăng Long, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Tiến sỹ Kinh tế

Quá trình công tác:

10/1990 - 04/1993: Phó giám đốc sân bay Tân Sơn Nhất

05/1993- 10/1996: Phó tổng giám đốc Hãng HKQG Việt Nam, Kiêm Giám đốc Văn phòng khu vực Miền Nam

11/1996 – 11/2007: Phó tổng giám đốc Vietnam Airlines

12/2007 - 07/2008: Tổng giám đốc Vietnam Airlines

08/2008 – 06/2010: Ủy viên HĐQT kiêm TGD Vietnam Airlines

07/2010 – 03/2015: Thành viên HĐQT viên kiêm Tổng giám đốc TCT HKVN

03/2015 – 5/2016: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc TCT HKVN - CTCP

5/2016 - nay: Chủ tịch HĐQT TCT HKVN - CTCP

Chức vụ hiện nay: Chủ tịch HĐQT TCT HKVN - CTCP

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Phó chủ tịch HĐQT Hãng HK Cambodia Angkor Air (từ tháng 9/2011 – nay)

Số cổ phần nắm giữ:

- Cổ phần cá nhân nắm giữ: 6.398 cổ phần

- Cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước tại TCT HKVN: 391.954.195 cổ phần

Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Phạm Thanh Giang (Em gái), Số CMT 012550165, Số lượng CP sở hữu: 400.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Tổng công ty và Nhà nước.

1.1.2. Ông Dương Trí Thành – Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 21/09/1961

Số CMTND/Hộ chiếu: 012557097

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Yên Lộc, huyện Can Lộc, tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: 04-T3 Khu Nam Thăng Long, Tây Hồ, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ khoa học ngành Vận tải Hàng không

Quá trình công tác

12/1993 - 06/1997: Phó trưởng ban, Ban Kế hoạch thị trường

07/1998 - 08/2004: Trưởng ban Tiếp thị hành khách, TCT HKVN

09/2004 – 10/2008: Giám đốc Văn phòng khu vực Miền Nam, TCT HKVN

10/2008 – 02/2015: Phó tổng Giám đốc TCT HKVN

03/2015 – 5/2016: Phó Tổng Giám đốc TCT HKVN

6/2016 – nay: Thành viên HĐQT kiêm TGD TCT HKVN - CTCP

Chức vụ hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm TGD TCT HKVN - CTCP

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không có

Số cổ phần nắm giữ: 6.698 cổ phần

Cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước tại TCT HKVN - CTCP: 335.960.738 cổ phần

Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Vương Thị Phúc Minh (Vợ), Số CMT 0011786360, Số CP sở hữu 1.899.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Tổng công ty và Nhà nước

1.1.3 Ông Lưu Văn Hạnh - Thành viên Hội đồng quản trị (chuyên trách)

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/10/1957

Số CMTND/Hộ chiếu: 201338800

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Thanh Tường, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú: Số 16 Đường Thi Sách, TP. Đà Nẵng

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

07/1992 - 04/1993: Giám đốc XN khai thác mặt đất, sân bay Đà Nẵng

05/1993 - 04/1997: Giám đốc khu vực Miền Trung kiêm Giám đốc XN phục vụ kỹ thuật thương mại Đà Nẵng (từ 5/1993 đến 5/1997)

05/1997 - 10/2008: Giám đốc Văn phòng khu vực Miền Trung

11/2008 - 07/2010: Ủy viên HĐQT, kiêm Trưởng ban Kiểm soát, TCT HKVN

07/2010 – 03/2015: Thành viên HĐQT, TCT HKVN

03/2015 - nay: Thành viên Hội đồng quản trị, TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: Cổ phần cá nhân nắm giữ: 3.799 cổ phần

Cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước tại TCT HKVN - CTCP: 164.861.534 cổ phần

Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Lưu Nguyễn Hoàng Lan (Con), Số CMT 201529969, Số CP sở hữu: 299.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Tổng công ty và Nhà nước

1.1.4 Ông : Tạ Mạnh Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị (chuyên trách)

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/02/1972

Số CMTND/Hộ chiếu : 033072001572

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Nghĩa Hiệp, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên

Địa chỉ thường trú: Số 26, ngõ 11, đường Tây Hồ, quận Tây Hồ, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản lý kinh tế

Quá trình công tác:

06/1997 – 06/2001: Chuyên viên, ban Kế hoạch Tiếp thị hàng hóa, TCT HKVN

07/2001 – 04/2005: Phó phòng Kế hoạch hàng hóa, ban Kế hoạch Tiếp thị hàng hóa, TCT HKVN

05/2005 – 11/2012: Phó giám đốc Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài

12/2012 – 04/2014: Phó trưởng ban Đầu tư, TCT HKVN

05/2014 – 9/2016: Trưởng ban Đầu tư-Mua sắm, TCT HKVN-CTCP

10/2016 - nay: Thành viên chuyên trách HĐQT TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện nay: Thành viên chuyên trách HĐQT TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT, Công ty CP dịch vụ hàng hóa Nội Bài

Số cổ phần nắm giữ: Cổ phần cá nhân nắm giữ: 7.752 cổ phần

Cổ phần đại diện phần vốn Nhà nước tại TCT HKVN - CTCP: 164.861.534 cổ phần

Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Tổng công ty và Nhà nước

1.1.5. Ông: Nguyễn Xuân Minh - Thành viên Hội đồng quản trị (độc lập)

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/02/1971

Số CMTND/Hộ chiếu: 022498870

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phường Phước Tân, TP Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

Địa chỉ thường trú: HS6-10, Đường Hoa Sữa, Vinhomes Riverside, Quận Long Biên, HN

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ tài chính ứng dụng và đầu tư

Quá trình công tác:

10/1997 – 10/1998: Trưởng đại diện kiêm chuyên viên phân tích đầu tư tại Công ty Quản lý Quỹ Templeton (VPĐD tại Việt Nam)

11/1998 – 12/2006: Phó Chủ tịch Cao Cấp - Quản lý 2 quỹ Châu Á và 1 quỹ các thị trường đang phát triển trên toàn cầu tại Đầu tư Franklin Templeton Investment, Singapore

01/2007 – 06/2012: Chuyên viên cố vấn cao cấp tại VPĐD Vietnam Asset Management Ltd. Tại TP.HCM

06/2012 - nay : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Quản lý quỹ VAM Việt Nam

10/2013 - nay : Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

04/2014 - nay : Thành viên HĐQT Công ty CP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay

08/2014 - nay : Thành viên HĐQT Công ty Tài chính cổ phần Hóa chất Việt Nam

03/2015- nay : Thành viên HĐQT TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác:

Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Quản lý quỹ VAM Việt Nam

Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ thương

Thành viên HĐQT: Công ty CP Bất động sản Du lịch Ninh Vân Bay và Công ty Tài chính cổ phần Hóa chất Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ : Cổ phần cá nhân nắm giữ: Không có

Cổ phần đại diện sở hữu cho Techcombank: 25.578.705 cổ phần

Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Tổng công ty và Nhà nước

1.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Giám đốc và cán bộ quản lý

Bảng 18: Danh sách thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ tại công ty
1	Dương Trí Thành	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
2	Phan Xuân Đức	Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Ngọc Trọng	Phó Tổng Giám đốc
4	Trịnh Ngọc Thành	Phó Tổng Giám đốc
5	Trịnh Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
6	Lê Hồng Hà	Phó Tổng Giám đốc
7	Nguyễn Minh Hải	Phó Tổng Giám đốc
8	Trần Thanh Hiền	Kế toán trưởng

1.2.1 Ông Dương Trí Thành – Tổng Giám đốc

Xem tại mục Sơ yếu lý lịch các thành viên HĐQT.

1.2.2 Ông Phan Xuân Đức - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 24/11/1957

Số CMTND/Hộ chiếu: 023472016

Quốc tịch: Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Đức Sơn, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú : 29 Yên Thế, phường 2, Tân Bình, TP.HCM

Trình độ văn hóa : 10/10

Trình độ chuyên môn: Cử nhân

Quá trình công tác

07/1995 – 08/1995 : Lái phụ, Đội bay B767, Đoàn bay 919, Hãng HKQGVN

09/1995 – 11/1998: Phó đoàn trưởng Đoàn bay 919, Kiêm trưởng phòng Huấn luyện Đoàn bay 919, Lái chính B767 (từ 9/1995 – 6/1997) và (từ 1/1998 – 11/1998)

12/1998 - 04/2003 : Trưởng trung tâm huấn luyện bay, TCT HKVN

05/2003-09/2008 : Đoàn trưởng Đoàn bay 919, TCT HKVN

10/2008 - 03/2015: Phó Tổng giám đốc TCT HKVN

04/2015 – nay: Phó Tổng giám đốc, TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện nay: Phó Tổng giám đốc, TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP Đào tạo Bay Việt

Số cổ phần nắm giữ: 3.898 cổ phần

Số cổ phần đại diện nắm giữ: Không có

Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Tổng công ty và Nhà nước.

1.2.3 Ông Nguyễn Ngọc Trọng - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 30/12/1957

Số CMTND/Hộ chiếu: 012749937

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Nông Trường, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Số 8 Hẻm 200/11/3, Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Khoa học

Quá trình công tác:

12/1993 - 07/1996: Phó phòng Kỹ thuật, Ban Kỹ thuật vật tư xăng dầu, Hãng HKQGVN

08/1996 - 10/1997: Trưởng phòng Kỹ thuật, Ban Kỹ thuật vật tư xăng dầu, Hãng HKQGVN

11/1997 - 05/2001 : Trưởng phòng Kỹ thuật phát triển, Ban Kỹ thuật, TCT HKVN

06/2001 - 12/2007 : Phó trưởng ban Kỹ thuật, TCT HKVN

01/2008 - 08/2008 : Quyền Trưởng ban Kỹ thuật, TCT HKVN

09/2008 - 02/2012 : Trưởng ban Kỹ thuật, TCT HKVN

03/2012- 03/2015 : Phó Tổng giám đốc, TCT HKVN

04/2015 - nay : Phó Tổng giám đốc TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện nay : Phó Tổng giám đốc, TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT (chuyên trách) Công ty Skypec.

Số cổ phần nắm giữ: 4.098 cổ phần

Số cổ phần đại diện nắm giữ: Không có

Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Tổng công ty và Nhà nước.

1.2.4 Ông Trịnh Ngọc Thành - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 18/05/1964

Số CMTND/Hộ chiếu: 011913587

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Cự Khê, huyện Thanh Oai, Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 10A, phố Tăng Bạt Hổ, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

06/1993-02/1996: Trưởng trung tâm kiểm soát chỗ, Ban TTHK, Hãng HK QGVN

03/1996-02/1997: Phó ban Tiếp thị hành khách, kiêm trưởng Trung tâm kiểm soát chỗ, Hãng HKQGVN

03/1997- 04/1997: Phụ trách Ban Tiếp thị hành khách, Tổng công ty HKVN

05/1997-06/1998 : Phó, quyền Trưởng ban Tiếp thị hành khách, TCT HKVN

07/1998- 06/2004 : Phó trưởng ban Kế hoạch thị trường, TCT HKVN

07/2004 – 06/2009 : Trưởng Ban Kế hoạch thị trường, TCT HKVN

07/2009 – 03/2015 : Phó Tổng giám đốc TCT HKVN

Biệt phái, giữ chức Tổng giám đốc Hãng Hàng không Cambodia Angkor Air (7/2009-8/2012)

04/2015 - nay : Phó Tổng giám đốc TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện nay : Phó Tổng Giám đốc TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Tin học Hàng không (từ 12/2012)

Số cổ phần nắm giữ : 8.398 cổ phần

Số cổ phần đại diện nắm giữ: Không có

Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Lê Thị Phương Lan (Vợ), Số CMT 011798002, Số CP sở hữu: 699 cổ phần.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Tổng công ty và Nhà nước.

1.2.5. Ông Trịnh Hồng Quang - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 25/08/1963

Số CMTND/Hộ chiếu: 012637530

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Lư Hoàng, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

Địa chỉ thường trú: Số 22 D3 Ciputra, quận Tây Hồ, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

10/1992 - 01/1995 : Chuyên viên Ban Vận tải - Tổng công ty HKDD Việt Nam

02/1995 - 12/1996 : Phó trưởng phòng Tiếp thị hàng hoá, Ban KHTTHH, Hãng HKQGVN

01/1997 - 12/1997 : Phó trưởng VPCN HKVN tại Đài Loan

01/1998 - 12/2002 : Trưởng VPCN HKVN tại Đài Loan

01/2003 - 12/2004 : Trưởng VPCN HKVN tại Nhật Bản

01/2005 - 11/2005 : Phó, quyền Trưởng ban Tiếp thị hành khách, TCT HKVN

12/2005 - 09/2008 : Trưởng ban Tiếp thị hành khách, TCT HKVN

10/2008 - 03/2015 : Phó tổng Giám đốc TCT HKVN. Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Hãng HK Cambodia Angkor Air (từ 8/2012 - 4/2015)

04/2015 - nay : Phó Tổng Giám đốc TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện nay : Phó Tổng Giám đốc TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không

Số cổ phần nắm giữ : 7.298 cổ phần

Số cổ phần đại diện nắm giữ: Không có

Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Trịnh Hồng Minh (Em trai), Số Hộ chiếu N1297998, Số CP sở hữu 1500.

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định của Tổng công ty và Nhà nước.

1.2.6 Ông Lê Hồng Hà - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 20/02/1972

Số CMTND/Hộ chiếu: 011798424

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Nội

Địa chỉ thường trú: P1601B, Chung cư Flemington, 184 Lê Đại Hành, Quận 11, TP. HCM

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác:

02/1994 -7/2004 : Chuyên viên Ban Tiếp thị hành khách, Hãng HKQGVN

08/2004-12/2007 : Trưởng phòng Phát triển bán và Du lịch, Ban TTHK

01/2008-12/2008 : Phó trưởng ban Tiếp thị hành khách, TCT HKVN

12/2008- 06/2011 : Giám đốc Văn phòng khu vực miền Trung, TCT HKVN

03/2012 – 03/2015 : Phó tổng giám đốc TCT HKVN, biệt phái giữ chức Tổng giám đốc CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines

04/2015 - nay : Phó tổng giám đốc TCT HKVN-CTCP, biệt phái giữ chức Tổng giám đốc Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines

Chức vụ hiện nay : Phó tổng giám đốc TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Hàng không Jetstar Pacific Airlines

Số cổ phần nắm giữ : 7.198 cổ phần

Số cổ phần đại diện nắm giữ: Không có

Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Tổng công ty và Nhà nước

Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

1.2.7 Ông Nguyễn Minh Hải - Phó Tổng Giám đốc

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 19/07/1972

Số CMTND/Hộ chiếu: 012017035

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Xuân Hải, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: Ngách 200/15/41 phố Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, Long Biên, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

10/1993 – 01/1994 : Chuyên viên Ban Tiếp thị hành khách, Hãng HKQGVN

2/1994 – 7/1996 : Chuyên viên Đội thị trường, Phòng Thương mại KV Miền Bắc, Hãng HKQGVN

8/1996 – 5/1999 : Đội trưởng Đội thị trường, Phòng Thương mại hành khách, Văn phòng khu vực miền Bắc, Hãng HKQGVN

6/1999 – 10/2000 : Phó, Q.trưởng phòng Phát triển bán, VP miền Bắc, Hãng HKQGVN

11/2000 – 3/2008 : Trưởng phòng Phát triển bán, Văn phòng khu vực miền Bắc, Hãng HKQGVN

4/2008 – 10/2008 : Trưởng phòng Phát triển bán và du lịch, Ban Tiếp thị hành khách

11/2008 – 4/2010 : Trưởng Chi nhánh HKVN tại Australia

5/2010 – 4/2013 : Trưởng Chi nhánh TCT HKVN tại Nhật

5/2013 – 4/2015 : Trưởng ban Kế hoạch và Phát triển, TCT HKVN-CTCP

4/2015 - nay : Phó tổng giám đốc TCT HKVN-CTCP

Biệt phái giữ chức Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc Cambodia Angkor Air

Chức vụ hiện nay : Phó tổng giám đốc TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc Hãng hàng không Cambodia Angkor Air

Số cổ phần nắm giữ : 7.099 cổ phần

Số cổ phần đại diện nắm giữ: Không có

Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Nguyễn Thị Thủy (Vợ), Số Hộ chiếu N1604201, Số CP sở hữu: 1.500 CP.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Tổng công ty và Nhà nước.

1.2.8. Ông Trần Thanh Hiền – Kế toán trưởng

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh: 09/04/1963

Số CMTND/Hộ chiếu: 012637617

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Xuân Trung, Huyện Xuân Trường, Tỉnh Nam Định

Địa chỉ thường trú: Số 21 ngõ 9 Hoàng Ngọc Phách, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

12/1992 – 09/1994 : Chuyên viên Ban tài chính kế toán, Hãng HKQGVN

10/1994 – 12/1995 : Tổ trưởng, Ban Tài chính kế toán, Hãng HKQGVN

01/1996 – 10/1997 : Phó phòng đầu tư & phát triển vốn, Ban TCKT, TCT HKVN

11/1997 – 08/1998 : Trưởng phòng đầu tư PT vốn, Ban TCKT, TCT HKVN

09/1998 – 10/2003 : Trưởng phòng tài chính đầu tư, Ban TCKT, TCT HKVN

11/2003 – 12/2009 : Phó trưởng ban tài chính kế toán TCT HKVN

01/2010 - 09/2010 : Trưởng Ban TCKT, Phó kế toán trưởng TCT HKVN

10/2010 – 03/2015 : Kế toán trưởng, kiêm Trưởng ban TCKT, TCT HKVN

01/2015 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP cho thuê máy bay Việt Nam

04/2015 – nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban TCKT, TCT HKVN

Chức vụ hiện nay: Kế toán trưởng kiêm Trưởng ban TCKT, TCT HKVN

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT CTCP cho thuê máy bay Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ: 7.296 cổ phần

Số cổ phần đại diện nắm giữ: Không có

Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Trần Thị Hương (Vợ), Số Hộ chiếu B2449989, Số CP sở hữu 2.500 CP.

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của TCTy và Nhà nước

1.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

Bảng 19: Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Tuổi	Chức vụ tại công ty
1	Ông Lại Hữu Phước	49	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Ông Mai Hữu Thọ	54	Thành viên Ban Kiểm soát
3	Ông Hoàng Thanh Quý	43	Thành viên Ban Kiểm soát

1.3.1 Ông Lại Hữu Phước - Trưởng Ban Kiểm soát

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 28/09/1967

Số CMTND/Hộ chiếu: 011673613

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Thanh Bình, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam

Địa chỉ thường trú: Phòng 203, nhà A3b, Tập thể Giảng Võ

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

07/1995 – 03/2003: Kiểm toán viên, Kiểm toán viên chính của KTNV

04/2004 – 12/2007: Phó trưởng phòng phụ trách phòng tổng hợp của Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành II, Kiểm toán NN

01/2008 – 12/2009: Trưởng phòng nghiệp vụ I của kiểm toán nhà nước chuyên ngành II, Kiểm toán Nhà nước

01/2010 – 09/2010: Phó trưởng phòng Kiểm tra nội bộ (nay là phòng kiểm tra giám sát tuân thủ) Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

09/2010 – 12/2014: Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

04/2013 – 12/2014: Thành viên Ban Kiểm soát kiêm Trưởng phòng Kiểm toán nội bộ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

01/2015 – nay: Trưởng phòng kiểm tra giám sát tuân thủ Hội sở chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

03/2015 – nay: Trưởng Ban Kiểm soát, TCT HKVN

Chức vụ hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát, TCT HKVN

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng phòng kiểm tra giám sát tuân thủ Hội sở chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ: Cổ phần cá nhân nắm giữ: Không có

Cổ phần đại diện sở hữu cho Vietcombank: 22.403.693 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Tổng công ty và Nhà nước

Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

1.3.2. Ông Mai Hữu Thọ - Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/09/1962

Số CMTND/Hộ chiếu: 010208340

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Xã Gia Trấn, huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ thường trú: Số 19 ngõ 409 Đường An Dương Vương, Tây Hồ, Hà Nội.

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

12/1993 – 11/1995: Phó Trung tâm Thanh toán quốc tế, Ban TCKT, Hãng HKQGVN

12/1995 – 12/1997: Trưởng phòng Kế toán, Ban TCKT, Hãng Hàng không quốc gia

01/1998 – 08/1998: Trưởng phòng Kế toán tổng hợp, Ban TCKT, TCT HKVN

09/1998 – 10/2001: Trưởng phòng Kế toán, Ban Tài chính Kế toán, TCT HKVN

11/2001 – 04/2011: Phó ban Tài chính kế toán, TCT HKVN

05/2011 – 04/2012: Phó, phụ trách Ban Kiểm soát nội bộ thuộc HĐTV

05/2012 – 03/2015: Trưởng ban Kiểm soát nội bộ thuộc HĐTV TCT HKVN

03/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát TCT HKVN

04/2015 - nay: Trưởng Ban Kiểm toán Nội Bộ TCT HKVN

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kiểm toán Nội Bộ, TCT HKVN

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 7.099 cổ phần

Số cổ phần đại diện nắm giữ: Không có



Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Tổng công ty và Nhà nước.

1.3.3 Ông Hoàng Thanh Quý - Thành viên Ban Kiểm soát

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 03/11/1973

Số CMTND: 011815136

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Phường Đáp Cầu, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ thường trú: Số 24 ngõ 94 Cù Chính Lan, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

08/1996 – 12/2005: Chuyên viên Ban Kế hoạch thị trường, TCT HKVN

01/2006 – 07/2008: Phó phòng Kế hoạch đường bay, Ban Kế hoạch thị trường, TCT HKVN

08/2008 – 12/2009: Trưởng phòng Giá cước và quản trị doanh thu, Ban Tiếp thị hành khách, TCT HKVN

01/2010 – 04/2013: Phó ban Tiếp thị và bán sản phẩm, TCT HKVN

05/2013 – 02/2015: Trưởng Chi nhánh TCT HKVN tại Nhật Bản

03/2015 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát TCT HKVN-CTCP

04/2015 - nay : Trưởng Ban Kế hoạch và phát triển TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát, Trưởng Ban Kế hoạch và Phát triển, TCT HKVN-CTCP

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 6.700 cổ phần

Số cổ phần đại diện nắm giữ: Không có

Sở hữu cổ phiếu của những người có liên quan: Không có

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Thù lao và các khoản lợi ích khác: Theo quy định của Tổng công ty và Nhà nước

2. Kế hoạch tăng cường quản trị công ty

Tổng Công ty đã và đang ban hành các quy chế củng cố và tăng cường hệ thống quản trị để tuân thủ quản trị công ty đại chúng theo quy định của pháp luật:

Nâng cao chất lượng quản trị công ty thông qua việc ứng dụng công nghệ thông tin tiên tiến, hiện đại trong các khâu, các lĩnh vực của dây chuyền sản xuất kinh doanh vận tải hàng không: Hệ thống bán vé – đặt giữ chỗ E-commerce, hệ thống lập lịch bay - điều hành bay và phân bay, hệ thống quản trị thông tin MIS, quản lý nội bộ vPortal, an ninh mạng và giám sát hoạt động CNTT 24/7...

Tiếp tục cải tiến quy trình quản lý cũng như quy trình nghiệp vụ của từng Cơ quan, Đơn vị để đảm bảo chất lượng, tiến độ công việc được tiến hành nhanh nhất; cung cấp các sản phẩm - dịch vụ vận tải hàng không chất lượng 4 sao theo tiêu chuẩn Skytrax; đảm bảo an toàn tuyệt đối trên tất cả các chuyến bay của Vietnam Airlines.

Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của Ban Giám đốc và bộ máy giúp việc của Tổng công ty, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT Tổng công ty;

Chú trọng công tác kiểm tra nội bộ, chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Ban Giám đốc, đặc biệt là trong công tác giám sát của HĐQT đối với hoạt động điều hành sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư, kinh doanh của Tổng công ty. Tại các phiên họp thường kỳ của HĐQT về kết quả sản xuất kinh doanh hàng tháng/ quý, HĐQT yêu cầu Tổng giám đốc báo cáo chi tiết về tình hình hoạt động của Tổng công ty, đồng thời phân tích, đánh giá kết quả kinh doanh, khả năng hoàn thành kế hoạch, tình hình tài chính, tiến độ triển khai các dự án đầu tư, công tác đảm bảo an toàn – an ninh, hiệu quả khai thác, nguồn nhân lực, công nghệ thông tin... và đề xuất các giải pháp, phương hướng kế hoạch cho những tháng/ quý tiếp theo.

Tiếp tục hoàn thiện bộ máy nhân sự chủ chốt để đáp ứng các quy định về quản trị công ty, chú trọng công tác đánh giá cán bộ và quy hoạch nguồn nhân sự chủ chốt và có chất lượng cao, tiếp tục cải tiến quy trình tuyển dụng, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, bao gồm người lái, tiếp viên, thợ kỹ thuật và cán bộ nhân viên chuyên môn – nghiệp vụ.

Nâng cao chất lượng của hoạt động quản lý cổ đông, xây dựng bộ phận chuyên trách thực hiện công bố thông tin, đảm bảo công khai – minh bạch – kịp thời và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành áp dụng cho công ty đại chúng. Đồng thời tiếp tục thắt chặt mối quan hệ với cổ đông, các nhà đầu tư và các cơ quan quản lý Nhà nước, từng bước nỗ lực để cung cấp đầy đủ các thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh và hoạt động của Vietnam Airlines đến mọi đối tượng quan tâm, hướng tới việc minh bạch hóa thông tin đáp ứng yêu cầu pháp luật và nhu cầu của cổ đông.

PHẦN 3. PHỤ LỤC

Phụ lục I: Danh sách các công ty con của Tổng công ty HKVN – CTCP

Phụ lục II: Danh sách các công ty liên kết của Tổng công ty HKVN - CTCP

Hà Nội, ngày 23 tháng 12 năm 2016

TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ TỔNG CÔNG TY HÀNG KHÔNG VIỆT NAM - CTCP

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đương Trí Thành

TỔ CHỨC TƯ VẤN CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đỗ Huy Hoài

PHỤ LỤC I: DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CỦA TCT HKVN –CTCP tại thời điểm 31/10/2016

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Đơn vị	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn đăng ký của VNA	Vốn thực góp của VNA	Tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh
1	Công ty TNHH MTV Nhiên liệu hàng không (Skypec)	202 Nguyễn Sơn, Quận Long Biên, TP. Hà Nội	Triệu VND	550.000	550.000	550.000	550.000	100%	Kinh doanh nhiên liệu hàng không
2	Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	Sân bay quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội	Triệu VND	1.059.097	1.059.097	1.059.097	1.059.097	100%	Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng máy bay
3	Công ty TNHH MTV Suất ăn Hàng không Việt Nam (VACS) ¹	số 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Triệu VND	84.603,34	84.603,34	84.603,34	45.004,41	100%	Thực phẩm, cung cấp suất ăn cho các chuyến bay
4	Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất sân bay (Viags)	số 49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Triệu VND	250.000	250.000	250.000	250.000	100%	Dịch vụ thương mại, kỹ thuật mặt đất phục vụ cho các HHK tại các sân bay
5	Công ty cổ phần Hàng không Jetstar Pacific Airlines (JPA)	Tầng 3, Tòa Nhà TCT HKVN, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Triệu VND	3.522.081	3.522.081	2.424.948	2.424.948	68,85%	Kinh doanh vận tải hàng không

¹ VACS được chuyển đổi từ Công ty liên doanh sản xuất bữa ăn trên máy bay (VNCX). Chênh lệch giữa vốn đăng ký và vốn thực góp của VNA do (i) chênh lệch giữa tỷ giá gốc và tỷ giá tại thời điểm chuyển đổi VACS và (ii) chênh lệch giữa giá mua lại phần vốn góp của đối tác liên doanh với giá trị ban đầu phần vốn góp của đối tác liên doanh.

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Đơn vị	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn đăng ký của VNA	Vốn thực góp của VNA	Tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh
6	Công ty cổ phần Dịch vụ hàng hóa Nội Bài (NCTS)	Sân bay quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội	Triệu VND	261.669	261.669	144.254	144.254	55,13%	Dịch vụ phục vụ hàng hóa các chuyến bay
7	Công ty TNHH Dịch vụ hàng hóa Tân Sơn Nhất (TCS)	46-48 Hậu Giang, Phường 2, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	Triệu VND	93.726	93.726	51.549	51.549	55%	dịch vụ phục vụ hàng hóa các chuyến bay
8	Công ty cổ phần Suất ăn hàng không Nội Bài (NCS)	Sân bay quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội	Triệu VND	80.000	80.000	48.002,7	48.002,7	60%	Cung cấp suất ăn trên máy bay
9	Công ty TNHH Dịch vụ giao nhận hàng hóa Tân Sơn Nhất (TECS)	Số 6 Thăng Long, Phường 4, Q.Tân Bình, TP.Hồ Chí Minh	Triệu VND	51.430	51.430	26.230	26.230	51%	Vận chuyển, Dịch vụ giao nhận hàng hóa, cho thuê kho bãi
10	Công ty cổ phần Tin học và Viễn thông hàng không (AITS)	414, Nguyễn Văn Cừ, Quận Long Biên, TP.Hà Nội	Triệu VND	58.031,7	58.031,7	30.600	30.600	52,73%	Cung cấp dịch vụ tin học và viễn thông
11	Công ty cổ phần Dịch vụ hàng không sân bay Nội Bài (NASCO)	Sân bay quốc tế Nội Bài, Huyện Sóc Sơn, TP. Hà Nội	Triệu VND	83.157,6	83.157,6	42.411,6	42.411,6	51%	Dịch vụ phục vụ vận tải hàng không
12	Công ty TNHH Giao nhận hàng hóa	49 Trường Sơn, Phường 2, Quận Tân	Triệu VND	8.578	8.578	5.579,9	5.579,9	65,05%	Dịch vụ giao nhận hàng

STT	Tên công ty	Địa chỉ	Đơn vị	Vốn điều lệ đăng ký	Vốn điều lệ thực góp	Vốn đăng ký của VNA	Vốn thực góp của VNA	Tỷ lệ sở hữu	Lĩnh vực kinh doanh
	(VINAKO)	Bình, TP. Hồ Chí Minh							hóa, dịch vụ vận tải mặt đất, kho bãi
13	Công ty cổ phần Đào tạo bay Việt (VFT) ²	117 Hồng Hà, Phường 2, Quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh	Triệu VND	100.000	66.000	34.000	34.000	51,52%	Đào tạo phi công
14	Công ty cổ phần Sabre Việt Nam.	Tầng 5, tòa nhà Đệ Nhất, số 53 Quang Trung, TP. Hà Nội	Triệu VND	2.000	2.000	1.789	1.789	89,47%	Dịch vụ đặt giữ chỗ tự động
15	Công ty cổ phần Cung ứng Xuất nhập khẩu lao động hàng không (ALSIMEXCO)	Số 1 Ngõ 200/10 Nguyễn Sơn - Quận Long Biên - TP. Hà Nội	Triệu VND	10.000	10.000	5.100	5.100	51%	Xuất nhập khẩu lao động hàng không, dịch vụ lữ hành, du lịch

² VFT chưa điều chỉnh vốn điều lệ trong Giấy ĐKDN theo vốn điều lệ thực góp của các cổ đông

PHỤ LỤC II: DANH SÁCH CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA TCT HKVN – CTCP tại thời điểm 31/10/2016

TT	Tên công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh
1	CTCP nhựa cao cấp Hàng không	Ngõ 200 Nguyễn Sơn, Long Biên, Hà Nội	Các sản phẩm nhựa cao cấp
2	CTCP cho thuê máy bay Việt Nam	Tầng 14, Tháp A, Vincom, số 191 Bà Triệu, Hà Nội	Mua và cho thuê, thuê và cho thuê lại máy bay
3	CTCP Dịch vụ hàng không sân bay Đà Nẵng	Sân bay quốc tế Đà Nẵng, quận Hải Châu, TP Đà Nẵng	Chế biến và cung ứng suất ăn trên máy bay, suất ăn công nghiệp, kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô...
4	CTCP xuất nhập khẩu Hàng không	414 Nguyễn Văn Cừ, Long Biên, Hà Nội	Nhập khẩu/ phân phối các phụ tùng máy bay và các thiết bị mặt đất sân bay
5	Hãng Hàng không Cambodia AngKor Air	Nhà 206A, Đại lộ Preal Norodom, Phnom Penh, Campuchia	Vận chuyển hàng không